UBND TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM
KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN VỀ CÂU TRONG PHÂN MÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU LỚP 4

Sinh viên thực hiện
LÊ THỊ THU HIỀN
MSSV: 1108050110
CHUYÊN NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC
KHÓA: 2008 – 2012

Cán bộ hướng dẫn
Th.S VÕ THỊ HOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM
TRUNG TÂM HỌC LIỆU

Tam Kỳ, tháng 5 năm 2012

LỜI CẢM ƠN!

Vậy là đã hơn ba tháng kể từ khi chúng em bảo vệ đề cương khóa luận tốt nghiệp đại học. Đến hôm nay, tập đề cương ngày nào đã được thay bằng những tập khóa luận hoàn chỉnh. "Công trình nghiên cứu đầu tay" được hoàn thành mang đến cho em niềm vui và hạnh phúc.

Thành quả em có được chính là nhờ công lao dìu dắt của quý thầy cô giáo. Đặc biệt là sự nhiệt tình, tận tâm của cô giáo hướng dẫn. Cô đã chỉ dạy cho em nhiều điều trong suốt quá trình làm bài. Chính nhờ đó mà em mới có thể thực hiện công việc nghiên cứu vốn còn mới lạ và đầy khó khăn.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn, người đã luôn quan tâm theo dõi và chỉ dẫn cho em trong suốt quá trình làm khóa luận!

Em xin cảm ơn các thầy cô giáo trong hội đồng bảo vệ khóa luận đã đọc bài và góp ý cho em có thể hoàn thiện khóa luận của mình một cách tốt nhất!

Thưa thầy cô và các bạn, tuy đã cố gắng rất nhiều, nhưng do thời gian và khả năng nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em vẫn còn nhiều điều thiếu sót. Do vậy, em rất mong quý thầy cô và các bạn thông cảm!

Tam Kỳ, ngày 17 tháng 5 năm 2012

Sinh viên: Lê Thị Thu Hiền

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU

1.1. Lí do chọn đề tài 4

1.2. Mục tiêu của đề tài 5

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 5

1.4. Phương pháp nghiên cứu 6

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Chương 1. Cơ sở lí luận và thực trạng của việc xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan trong phân môn LT&C lớp 4 7

1.1. Cơ sở lí luận 7

1.1.1. Một số khái niệm có liên quan 7

1.1.2. Câu trong Tiếng Việt và một số vấn đề liên quan 7

1.1.2.1. Câu và các bộ phận của câu 7

1.1.2.2. Các kiểu câu trong Tiếng Việt ở tiểu học hiện hành 9

1.1.3. Trắc nghiệm khách quan 10

1.1.3.1. Khái niệm 10

1.1.3.2. Quy trình soạn bài trắc nghiệm 10

1.1.3.3. Những nguyên tắc biên soạn trắc nghiệm 10

1.1.3.4. Kĩ thuật biên soạn câu hỏi trắc nghiệm khách quan 11

1.1.4. Các dạng TNKQ thường sử dụng trong dạy học LT&C lớp 4 11

1.1.4.1. Trắc nghiệm đúng – sai 11

1.1.4.2. Trắc nghiệm điền thế 12

1.1.4.3. Trắc nghiệm trả lời ngắn 12

1.1.4.4. Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi 13

1.1.4.5. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 13

1.1.5. Tìm hiểu các bài dạy về câu trong phân môn LT&C lớp 4 14

1.2. Thực trạng việc sử dụng các hình thức trắc nghiệm khách quan để dạy học câu trong phân môn LT&C lớp 4 16

1.2.1. Đối tượng và phương pháp điều tra 16

1.2.2. Thực trạng của vấn đề 18

Chương 2. Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan phục vụ cho việc dạy học câu trong phân môn LT&C lớp 4 21
2.1. Quy trình và căn cứ xây dựng hệ thống bài tập TNKQ về câu trong phân môn LT&C lớp 4 21
2.1.1. Quy trình xây dựng bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong phân môn LT&C lớp 4 21
2.1.2. Căn cứ để xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong phân môn LT&C lớp 4 21
2.2. Xây dựng hệ thống bài tập 22
2.2.1. Trắc nghiệm đúng – sai 22
2.2.2. Trắc nghiệm điền thế 25
2.2.3. Trắc nghiệm trả lời ngắn 30
2.2.4. Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi 36
2.2.5. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 44
Chương 3. Thực nghiệm hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan để dạy học câu trong phân môn LT&C lớp 4 51
3.1. Giai đoạn 1: Chuẩn bị thực nghiệm 51
3.1.1. Mục đích, nhiệm vụ và đối tượng thực nghiệm 51
3.1.2. Lựa chọn và xây dựng phiếu bài tập trắc nghiệm khách quan 52
3.2. Giai đoạn 2: Tiến hành thực nghiệm 62
3.3. Giai đoạn 3: Đánh giá kết quả thực nghiệm 65
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ
1. Kết luận 70
2. Kiến nghị 71
2.1. Đối với ngành giáo dục 71
2.2. Đối với trường tiểu học 71
2.3. Đối với giáo viên 71
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

BẢNG CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

TNKQ:	Luyện từ và câu
LT&C:	Trắc nghiệm khách quan

MỞ ĐẦU

1.1. Lí do chọn đề tài

1.1.1. Năm 1992, Đại hội VII của Đảng đã khẳng định: "Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được coi là quốc sách hàng đầu". Trải qua các kì Đại hội tiếp theo, Đảng ta vẫn tiếp tục chú trọng, đề cao vai trò của giáo dục. Với nhận thức đúng đắn đó, nước ta đã có nhiều đầu tư cho sự nghiệp trồng người, nhờ vậy mà ngành giáo dục Việt Nam đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Nếu trước dây giáo viên là người nắm giữ vai trò chủ đạo trong quá trình dạy – học thì ngày nay người học trở thành chủ thể của hoạt động dạy – học với các phương pháp dạy học tích cực được áp dụng và bộ sách giáo khoa mới được xây dựng phục vụ cho công cuộc cải cách giáo dục.

1.1.2. Trong quá trình dạy – học việc nâng cao tri thức và phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh luôn được coi trọng. Các phương pháp, biện pháp dạy học khác nhau được tổ chức nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho việc dạy và học. Trong hệ thống giáo dục quốc dân, tiểu học là bậc học đầu tiên có vai trò đặt nền tảng cho sự tiếp thu kiến thức của học sinh trong suốt con đường tiếp cận tri thức sau này. Do đó có cần nhiều sự đầu tư hợp lí trong dạy và học để giúp học sinh tư duy và lĩnh hội kiến thức được tốt hơn.

1.2.3. Ở tiểu học, bên cạnh các môn học khác thì Tiếng Việt là môn học có vai trò đặc biệt quan trọng, nó giúp cho học sinh có những hiểu biết về ngôn ngữ giao tiếp của dân tộc mình. Thông qua môn Tiếng Việt học sinh được rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết từ đó hoàn thiện hơn các kĩ năng giao tiếp và tạo cơ sở để các em học tốt những môn học còn lại. Bên cạnh đó, với các kiến thức về ngôn ngữ được cung cấp, học sinh sẽ biết cách sử dụng câu chữ sao cho phù hợp và chính xác. Điều này đáp ứng mục tiêu đào tạo con người phát triển về tri thức lẫn nhân cách do Đảng ta đề ra.

Trong thực tế hiện nay, trẻ em thường mắc lỗi khi sử dụng câu, câu nói ra thiếu các bộ phận chính, đặt câu không phù hợp với mục đích nói, sử dụng dấu câu không chính xác... Điều này gây ra những hiểu nhầm trong giao tiếp và sẽ để lại kết quả không tốt về sau nếu ngay từ bây giờ không được chỉnh sửa. Trong các phân môn Tiếng Việt thì Luyện từ và câu là phân môn có nhiều kiến thức về ngữ

pháp, cấu trúc của câu nhất. Do đó, để giúp trẻ có những kiến thức vững chắc về câu thì trước hết ta nên bắt đầu ở phân môn này.

1.2.4. Đối với phân môn Luyện từ và câu giáo viên các trường tiểu học thường sử dụng các bài tập tự luận trong thực hành và kiểm tra học sinh. Những bài tập dạng tự luận khi được sử dụng thường xuyên có thể gây cho học sinh cảm giác nhàm chán, dần dần mất đi hứng thú học tập.

Thay vì sử dụng các bài tập kiểu tự luận, giáo viên có thể xây dựng các bài tập trắc nghiệm khách quan với các hình thức phong phú, đa dạng để kích thích hứng thú học tập của học sinh đối với nội dung bài học. Sử dụng bài tập trắc nghiệm về nội dung câu trong thực hành và kiểm tra giúp học sinh có điều kiện củng cố kiến thức vừa học và thêm yêu thích nội dung này.

Ở lớp 4, học sinh được học nhiều kiến thức mới về câu: các kiểu câu (đặc biệt là kiểu câu được phân loại theo mục đích nói), các dấu câu... Với nội dung đa dạng, học sinh có thể gặp nhầm lẫn trong việc phân biệt và tìm hiểu sự khác nhau giữa các kiểu câu cũng như cách sử dụng từng kiểu câu một cách thích hợp trong thực tế. Sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy học về câu là cách đơn giản mà hiệu quả giúp cho học sinh có hiểu biết sâu sắc hơn về bài học và giảm bớt lo lắng, căng thẳng khi làm bài tập.

Xuất phát từ những vấn đề đã phân tích ở trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu là: ***"Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong phân môn Luyện từ và câu lớp 4"***

1.2. Mục tiêu của đề tài

Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của vấn đề xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy học Luyện từ và câu để từ đó xây dựng hệ thống bài tập có nội dung phong phú, khoa học, phù hợp với học sinh nhằm khắc sâu kiến thức và giúp học sinh có điều kiện thực hành nội dung bài học về câu tốt hơn.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu: Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong phân môn Luyện từ và câu.

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu: Nội dung dạy học về câu trong phân môn Luyện từ và câu lớp 4.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp được sử dụng trong quá trình nghiên cứu khóa luận là:

1.4.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Tìm các tài liệu, sách có nội dung liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Đọc và tổng hợp thông tin cần thiết để phục vụ cho đề tài.

1.4.2. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

Tiếp thu các ý kiến đóng góp của giáo viên hướng dẫn và những thầy cô khác để có định hướng đúng đắn trong quá trình nghiên cứu, góp phần hoàn thiện nội dung nghiên cứu.

1.4.3. Phương pháp quan sát

Quan sát trong các tiết học ở trường tiểu học thực nghiệm, quan sát sự tiếp thu của học sinh trong quá trình thực nghiệm và quan sát thái độ của giáo viên và học sinh.

1.4.4. Phương pháp đàm thoại

Hỏi giáo viên ở trường thực nghiệm những câu hỏi về việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan ở lớp.

1.4.5. Phương pháp thống kê

Từ những số liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu được thu thập trong quá trình thực nghiệm, chúng tôi sử dụng các công thức tính toán để xử lí số liệu phục vụ cho việc nghiên cứu.

1.4.6. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Chúng tôi xây dựng các phiếu bài tập và tiến hành thực nghiệm ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng ở trường tiểu học Ngô Quyền để đánh giá việc sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong thực tế dạy – học.

NỘI DUNG

Chương 1. Cơ sở lí luận và thực trạng của việc xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan trong phân môn LT&C lớp 4

1.1. Cơ sở lí luận

1.1.1. Một số khái niệm có liên quan

1.1.1.1. Môn Tiếng Việt

Tiếng Việt là một trong những môn học chính khóa ở trường tiểu học. Môn học này gồm có bảy phân môn là Học vần, Tập đọc, Kể chuyện, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập viết và Tập làm văn được giảng dạy trong chương trình tiểu học từ khối lớp một đến khối lớp năm. Mục đích của việc dạy và học Tiếng Việt là dạy cho trẻ biết sử dụng tiếng Việt văn hóa để giao tiếp và mở rộng hiểu biết thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các giờ dạy. Môn học này có nhiệm vụ phát triển năng lực trí tuệ của trẻ, rèn luyện cho các em phương pháp suy nghĩ, giáo dục cho các em những tình cảm mới.

1.1.1.2. Phân môn Luyện từ và câu

Luyện từ và câu là một trong bảy phân môn của Tiếng Việt. Việc dạy Luyện từ và câu cung cấp cho học sinh những kiến thức sơ giản về từ và câu, rèn cho học sinh kĩ năng dùng từ đặt câu và sử dụng các kiểu câu thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình, đồng thời giúp cho học sinh có khả năng hiểu các kiểu câu trong nói và viết của người khác.

1.1.1.3. Học sinh tiểu học

Học sinh tiểu học là lứa tuổi từ 6 đến 10 - 11 tuổi. Các em có những đặc trưng sau đây: học sinh tiểu học là thực thể hồn nhiên tiềm tàng khả năng phát triển (khả năng hiện thực và khả năng tiềm ẩn); đây là lứa tuổi mà nhân cách đang hình thành; hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học là hoạt động học; học sinh tiểu học là phạm trù tương lai.[200/14]

1.1.2. Câu trong Tiếng Việt và một số vấn đề liên quan

1.1.2.1. Câu và các bộ phận của câu

* *Khái niệm về câu:* Câu do từ tạo thành và diễn đạt một ý trọn vẹn.

** Các bộ phận chính của câu*

Các bộ phận chính là những phần quan trọng nhất trong câu, không thể bỏ đi được. Các bộ phận chính của câu gồm có:

- Chủ ngữ: Là bộ phận chính thứ nhất của câu, thường đứng trước bộ phận thứ hai của câu. Chủ ngữ nêu tên người, vật, sự việc được miêu tả, nhận xét trong câu.

- Vị ngữ: Là bộ phận chính thứ hai của câu, thường đứng sau chủ ngữ. Vị ngữ chỉ hành động, trạng thái, tính chất, miêu tả hoặc nhận xét về người, sự vật nêu ở chủ ngữ; trả lời câu hỏi về người, sự vật được nói tới ở chủ ngữ (Làm gì? Như thế nào?)

** Các bộ phận phụ của câu*

Bộ phận phụ là bộ phận thêm vào câu để bổ sung ý nghĩa cho cả khối chủ ngữ - vị ngữ trong câu.

+ Trạng ngữ: Là bộ phận phụ của câu dùng bổ sung ý nghĩa tình huống cho câu. (Cho biết thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích diễn ra sự việc nói đến trong câu.)

+ Hô ngữ: Là những từ ngữ bao gồm lời hô, gọi, đáp trong khi trò chuyện trực tiếp dùng để gây sự chú ý hoặc bộc lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ, ngạc nhiên...

+ Đề ngữ: Là bộ phận phụ của câu biểu thị chủ đề là hành động, tính chất được nhấn mạnh để làm căn cứ xuất phát của sự việc nêu ở nòng cốt câu. Đề ngữ thường đứng đầu câu, không có quan hệ từ đứng trước, có thể nối với nòng cốt câu bằng từ *thì* hoặc *là*.

** Các bộ phận phụ của từ trong câu*

+ Định ngữ: Dùng để bổ sung ý nghĩa cho danh từ trong câu, đứng trước hoặc sau danh từ chính..

+ Bổ ngữ: Dùng để bổ sung thêm ý nghĩa cho động từ hoặc tính từ trong câu. Bổ ngữ thường đứng trước hoặc sau động từ, tính từ chính.

** Bộ phận song song*

Những bộ phận đặt cạnh nhau, cùng giữ chức vụ giống nhau trong câu gọi là bộ phận song song. Các bộ phận chính hoặc bộ phận phụ cùng loại đều có thể đặt cạnh nhau làm bộ phận song song. Các bộ phận song song thường ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy hoặc từ chỉ quan hệ: và, hoặc, hoặc là, hay, hay là...

1.1.2.2. Các kiểu câu trong Tiếng Việt ở tiểu học hiện hành

** Các kiểu câu chia theo cấu tạo*

- *Câu đơn:* Là loại câu nói về từng sự vật, sự việc, tình cảm hoặc cảm xúc.

- *Câu ghép:* Là loại câu nói về nhiều sự vật, sự việc, tình cảm hoặc cảm xúc có liên quan chặt chẽ với nhau.

- Câu phức: Là câu có từ hai kết cấu chủ - vị trở lên. Trong đó, chỉ có một cụm chủ - vị làm nòng cốt câu, những cụm còn lại làm thành phần trong cụm nòng cốt hoặc bên trong thành phần phụ của câu.

**Các kiểu câu chia theo mục đích nói*

Kiểu câu	Định nghĩa	Phân loại
Câu kể	Dùng để kể hoặc tả một vài sự vật, sự việc.	- Khi nói: Được hạ giọng ở cuối câu. - Khi viết có dấu chấm (.) hoặc chấm lửng (...) hoặc dấu hai chấm (:).
Câu hỏi	Dùng để hỏi người khác về sự vật, sự việc.	- Thường dùng những từ chuyên để hỏi: Ai, gì, nào, thế nào, sao, à, hả... - Khi nói: Nhấn giọng ở điều cần hỏi. - Khi viết: Có dấu chấm hỏi (?).
Câu cầu khiến	Dùng để yêu cầu người khác làm một hoặc một vài việc.	- Thường dùng các từ chuyên dùng: Mời, đề nghị, yêu cầu, nên, phải, cần, hãy, đừng, chớ... -Khi nói: Nhấn giọng nặng nhẹ theo nội dung. - Khi viết: Dùng dấu chấm than (!).
Câu cảm	Dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc.	- Thường có các từ: Ôi, a, ơi, chao ôi, quá, lắm, ghê, thật... - Khi nói: Giọng thay đổi hợp tình cảm. - Khi viết: Dùng dấu chấm than (!).
Câu hội thoại	Khi dùng các loại câu trên để chuyện trò, hỏi đáp, trực tiếp với người khác thì đó là những câu hội thoại.	- Câu hội thoại được đặt trong dấu ngoặc kép ("...") hoặc dấu gạch ngang (-).

1.1.3. Trắc nghiệm khách quan

1.1.3.1. Khái niệm

Trắc nghiệm khách quan là cách kiểm tra sử dụng các câu hỏi có tính chuyên biệt đòi hỏi người làm bài phải suy nghĩ nhiều và trả lời ngắn gọn.

1.1.3.2. Quy trình soạn bài trắc nghiệm

- Bước 1: Lập bảng những nội dung cần đánh giá (chú ý xác định mức độ quan trọng của từng nội dung) – xây dựng chỉ tiêu đánh giá cho từng nội dung.

- Bước 2: Tính toán số lượng và loại câu hỏi cho từng nội dung.

+ Tính toán số câu hỏi cần có để phân loại số học sinh (số câu hỏi dễ, trung bình, khá).

+ Tính toán số câu hỏi cần có để kiểm tra sự phát triển liên tục của tri thức và kĩ năng giữa các bài kiểm tra và thi, giữa lớp trên với lớp dưới.

- Bước 3: Soạn thử và phân tích câu hỏi thử (việc phân tích câu hỏi theo các yêu cầu sau: mục đích câu hỏi, cấu tạo câu hỏi, ngôn ngữ, dự đoán tỉ lệ học sinh trả lời đúng...)

- Bước 4: Thiết kế cấu trúc đề kiểm tra. Mỗi đề nên chia câu hỏi theo từng lĩnh vực đánh giá (thành phần câu, các kiểu câu, dấu câu...) và xếp câu hỏi từ dễ tới khó.

- Bước 5: Xây dựng đáp án và các yêu cầu phân tích kết quả trên máy tính.

- Bước 6: Tiến hành thử đề trên diện hẹp để điều chỉnh.

- Bước 7: Sử dụng đánh giá trên diện rộng.

- Bước 8: Rút kinh nghiệm.

1.1.3.3. Những nguyên tắc biên soạn trắc nghiệm

- Việc làm rõ nội dung cần đánh giá và phác thảo kế hoạch trắc nghiệm phải được thực hiện ngay từ khi bắt đầu tiến hành giảng dạy.

- Kĩ thuật trắc nghiệm phải được lựa chọn dựa trên mục đích đánh giá.

- Việc đánh giá tổng quát, toàn diện đòi hỏi phải sử dụng nhiều kĩ thuật và hình thức kiểm tra khác nhau.

- Muốn sử dụng hình thức trắc nghiệm một cách thích hợp nhất thiết phải có sự hiểu biết về những hạn chế cũng như ưu điểm của nó.

- Thay vì chỉ kiểm tra lượng kiến thức của học sinh, bài trắc nghiệm tạo cơ hội cho các em áp dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống hằng ngày và giải quyết vấn đề.

1.1.3.4. Kĩ thuật biên soạn câu hỏi trắc nghiệm khách quan

- Câu hỏi phải có mục đích rõ ràng.

- Câu hỏi phải có đủ thành phần.

- Câu hỏi phải đảm bảo chỉ có một câu trả lời duy nhất đúng. Do đó các câu trả lời cần phải rõ ý, không mơ hồ, tránh có hai câu trả lời đúng.

- Câu hỏi phải rõ độ khó. Nếu có 95% học sinh trả lời đúng, đó là câu hỏi thích hợp với học sinh yếu. Nếu câu hỏi có từ 30% đến 70% học sinh trả lời đúng, đó là câu hỏi thích hợp với học sinh trung bình. Nếu câu hỏi có dưới 30% học sinh trả lời đúng, đó là câu hỏi thích hợp với học sinh khá, giỏi.

- Ngôn ngữ phải ngắn gọn, chính xác, mỗi mệnh đề chỉ thông báo một nội dung.

- Dùng nhiều câu hỏi trắc nghiệm trong một bộ đề thi.

1.1.4. Các dạng trắc nghiệm khách quan thường sử dụng trong dạy học Luyện từ và câu lớp 4

1.1.4.1. Trắc nghiệm đúng – sai

* *Khái niệm*

Trắc nghiệm đúng – sai là dạng trắc nghiệm mà nhà sư phạm đưa ra một mệnh đề hoặc hai mệnh đề và yêu cầu người học lựa chọn mệnh đề nào đúng, mệnh đề nào sai.

* *Đặc điểm và yêu cầu*

Trắc nghiệm đúng – sai là kiểu trắc nghiệm bao gồm hai phần:

- Phần 1 là một câu hỏi hoặc một phát biểu, còn gọi là phần đề.

- Phần 2 là hai phương án chọn lựa: Đúng – Sai

Yêu cầu của trắc nghiệm đúng – sai là chọn một trong hai phương án.

* *Cách xây dựng*

- Phương án 1: Đưa ra một mệnh đề, xác định mệnh đề đó đúng hay sai.

- Phương án 2: Đưa ra một số mệnh đề, xác định mệnh đề nào đúng, mệnh đề nào sai.

* *Ví dụ:* Điền Đ vào ô trống trước câu trả lời đúng và S vào ô trống trước câu trả lời sai:

a) ☐ Cuối câu kể có dấu chấm than.

b) ☐ Cuối câu kể có dấu chấm.

1.1.4.2. Trắc nghiệm điền thế

* *Khái niệm*

Trắc nghiệm điền thế là loại trắc nghiệm học sinh điền vào chỗ trống theo yêu cầu cụ thể của bài tập.

* *Đặc điểm và yêu cầu*

Mệnh đề hoặc phát biểu đưa ra có nội dung chưa hoàn chỉnh, học sinh phải hoàn thành mệnh đề, phát biểu đó bằng cách sử dụng từ, cụm từ đã cho (nếu có) để điền vào chỗ trống hoặc suy nghĩ để điền từ, cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

* *Cách xây dựng*

- Cho trước từ, cụm từ điền vào chỗ trống để học sinh lựa chọn.
- Không cho trước từ, cụm từ điền vào chỗ trống, học sinh cần suy nghĩ và hoàn thành mệnh đề, phát biểu đã cho.

* *Ví dụ:* Tìm thành phần chính thích hợp để điền vào chỗ trống:

a) Hôm nay, bầu trời .....

b) .....đang hót rất hay.

1.1.4.3. Trắc nghiệm trả lời ngắn

* *Khái niệm*

Trắc nghiệm trả lời ngắn là dạng trắc nghiệm mà nhà sư phạm đưa ra một mệnh đề hay nhiều mệnh đề (đoạn văn) chưa hoàn thiện và yêu cầu người học hoàn thiện nốt mệnh đề hoặc đoạn văn đó bằng cách điền từ, cụm từ, đôi khi là những con số (từ, cụm từ, con số có thể cho trước hoặc không cho trước).

* *Đặc điểm và yêu cầu*

Trắc nghiệm trả lời ngắn đòi hỏi người làm tự cung cấp câu trả lời. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn có hình thức là một câu hỏi hoặc là một phát biểu chưa hoàn chỉnh. Người làm phải viết câu trả lời cho câu hỏi hoặc điền thêm vào câu phát biểu chưa hoàn chỉnh bằng một từ hay cụm từ, một kí hiệu, một công thức, một con số...

* *Cách xây dựng*

Đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh trả lời, nội dung câu trả lời phải ngắn gọn, súc tích.

* *Ví dụ:* Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi

Giữa vườn lá xum xuê, xanh mướt, còn ướt đẫm sương đêm, một bông hoa rập rờn trước gió. Màu hoa đỏ thắm. Cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát vào nhau như còn ngập ngừng chưa muốn nở hết. Đoá hoa toả hương thơm ngát. Hương hoa lan toả khắp khu vườn.

Trong đoạn văn có bao nhiêu câu kể Ai thế nào? Dó là những câu nào?

.....

.....

1.1.4.4. Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi

* *Khái niệm*

Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi là một bài trắc nghiệm bao gồm hai phần: phần thông tin ở bảng truy và phần thông tin ở bảng chọn. Hai phần này thường được thiết kế thành hai cột.

* *Đặc điểm và yêu cầu*

Bài trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi có sự lựa chọn yếu tố tương đương hoặc có sự tương hợp của mỗi cặp thông tin từ bảng truy và bảng chọn. Giữa các cặp ở hai bảng có mối liên hệ trên một cơ sở đã định.

* *Cách xây dựng*

Đối chiếu hoàn toàn (số lượng các mục ở bảng truy bằng số lượng các mục ở bảng chọn) và đối chiếu cặp đôi không hoàn toàn (số lượng các mục ở bảng truy lớn hơn số lượng các mục ở bảng chọn).

* *Ví dụ:* Em hãy nối phần chủ ngữ ở cột A với vị ngữ thích hợp ở cột B để tạo thành câu kể *Ai thế nào?*

Cột A	**Cột B**
1. Mái tóc của bà	**a.** vừa tròn lại vừa sáng
2. Trăng đêm rằm	**b.** đã bạc gần hết
3. Hoa phượng	**c.** đỏ rực cả sân trường

1.1.4.5. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

* *Khái niệm*

Câu trắc nghiệm loại này có hai phần:

- Phần thân: Nêu vấn đề và cách thực hiện.

- Phần thông tin: Nêu các câu trả lời để giải quyết vấn đề. Trong các câu trả lời chỉ có một câu trả lời đúng còn các câu khác đều sai. Các câu trả lời sai phải là những lỗi mà học sinh thường hoặc có thể mắc phải.

Khi làm bài học sinh chỉ cần lựa chọn một trong các câu trả lời cho sẵn ở phần thông tin.

* *Đặc điểm và yêu cầu*

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn gồm nhiều phương án khác nhau. Yêu cầu làm bài trắc nghiệm nhiều lựa chọn là chọn một phương án trả lời tốt nhất hoặc đúng nhất trong số các phương án đã cho sẵn.

* *Cách xây dựng*

Phải xây dựng nhiều phương án trả lời khác nhau, ít nhất là ba phương án. Trong đó, chỉ có một phương án đúng còn các phương án còn lại đều sai.

* *Ví dụ:* Em hãy khoanh tròn chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

A. Câu hỏi là câu dùng để hỏi về những điều chưa biết

B. Câu hỏi là câu dùng để kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc

C. Câu hỏi là câu dùng để nói lên ý kiến hoặc tâm tư, tình cảm của mỗi người

D. Câu hỏi là câu dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói

1.1.5. Tìm hiểu các bài dạy về câu trong phân môn LT&C lớp 4

Qua việc tìm hiểu nội dung sách Tiếng Việt lớp 4 chúng tôi biết trung bình mỗi tuần học sinh học 8 tiết Tiếng Việt với 5 phân môn khác nhau (Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và câu, Kể chuyện, Tập làm văn). Trong các tiết đó, các em được học LT&C bình quân 2 tiết/1 tuần. Qua tìm hiểu chúng tôi đã xác định các bài có nội dung dạy về câu trong phân môn LT&C ở lớp 4 ở bảng sau:

Học kỳ 1	
Tuần	**Tên bài**
2	Dấu hai chấm
8	Dấu ngoặc kép
13	Dấu hỏi và dấu chấm hỏi
14	Luyện tập về câu hỏi
	Dùng câu hỏi vào mục đích khác
15	Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi

16	Câu kể
17	Câu kể Ai làm gì?
	Vị ngữ trong câu kể Ai làm gì?
Học kỳ 2	
19	Chủ ngữ trong câu kể Ai làm gì?
20	Luyện tập về câu kể Ai làm gì?
21	Câu kể Ai thế nào?
	Vị ngữ trong câu kể Ai thế nào?
22	Chủ ngữ trong câu kể Ai thế nào?
23	Dấu gạch ngang
24	Câu kể Ai là gì?
	Vị ngữ trong câu kể Ai là gì?
25	Chủ ngữ trong câu kể Ai là gì?
26	Luyện tập về câu kể Ai là gì?
27	Câu khiến
	Cách đặt câu khiến
30	Câu cảm
31	Thêm trạng ngữ cho câu
	Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu
32	Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu
	Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu
33	Thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu
34	Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu

Sau khi phân tích chúng tôi thấy phân môn Luyện từ và câu là 1 trong 5 phân môn Tiếng Việt của lớp 4 nhưng số tiết dạy mỗi tuần lại chiếm 1/4 trên tổng số tiết Tiếng Việt. Điều này cho thấy nội dung kiến thức của môn LT&C được chú trọng rèn luyện nhiều cho học sinh.

Tổng số tiết LT&C học sinh lớp 4 học trong chương trình là 62 trên 248 tiết Tiếng Việt. Trong số đó, số lượng các bài có kiến thức về câu, dạy về câu gồm có 28 bài, chiếm 45,2% tổng số lượng tiết dạy LT&C. Điều này cho thấy, ở lớp 4 học sinh được tìm hiểu nhiều vấn đề về câu trong phân môn LT&C.

Nội dung kiến thức học sinh được tìm hiểu gồm có:

- Các kiểu câu: 18/28, chiếm tỉ lệ 64,3%
- Các dấu câu: 4/28, chiếm tỉ lệ 14,3%
- Các thành phần phụ của câu: 6/28, chiếm tỉ lệ 21,4%

Qua những nhận xét trên, chúng ta có thể nhận thấy số tiết dạy về câu và các vấn đề liên quan đến câu trong phân môn LT&C rất được chú trọng. Điều này càng làm rõ tầm quan trọng của nội dụng kiến thức này đối với sự hình thành và phát triển tư duy toàn diện của học sinh.

1.2. Thực trạng việc sử dụng các hình thức trắc nghiệm khách quan để dạy – học câu trong phân môn LT&C lớp 4

1.2.1. Đối tượng và phương pháp điều tra

Tìm hiểu về thực trạng sử dụng các hình thức trắc nghiệm khách quan để dạy – học câu trong phân môn LT&C lớp 4 ở trường tiểu học Ngô Quyền – Tam Kỳ – Quảng Nam chúng tôi đã tiến hành điều tra về nhận thức của giáo viên ở trường về việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong phân môn LT&C ở lớp 4. Từ những phiếu điều tra đã phát ra chúng tôi chú ý đến quan điểm của các thầy cô giáo về việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học. Bên cạnh đó chúng tôi cũng lưu ý đến thực tế của việc sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan tại các lớp.

1.2.1.1. Đối tượng điều tra

Để tìm hiểu thông tin về việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong nhà trường chúng tôi đã tiến hành điều tra các giáo viên chủ nhiệm của khối lớp 4 trường tiểu học Ngô Quyền – Tam Kỳ – Quảng Nam. Trong trường có tổng cộng 4 lớp 4, trong đó có 2 lớp thuộc cơ sở 1 và 2 lớp thuộc cơ sở 2 của trường.

Giáo viên phụ trách các lớp 4 gồm có 3 cô giáo và 1 thầy giáo. Các thầy cô giáo được điều tra đều đã tốt nghiệp cao đẳng giáo dục tiểu học và đại học giáo dục tiểu học hệ chính quy. Do đó, các thầy cô giáo cũng đã có hiểu biết về hình thức trắc nghiệm khách quan và việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy học.

1.2.1.2. Phương pháp điều tra:

Phương pháp điều tra được sử dụng chủ yếu trong suốt quá trình thực hiện đề tài này là phương pháp anket (sử dụng các phiếu điều tra). Bên cạnh đó, tôi còn

kết hợp với phương pháp quan sát và trò chuyện để thu thập thêm những thông tin xung quanh vấn đề này.

* *Phương pháp anket:*

Phiếu điều tra được xây dựng nhằm tìm hiểu những vấn đề sau:

- Việc sử dụng bài tập tự luận và bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học hiện nay.
- Sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan để dạy – học trong phân môn LT&C ở lớp 4.
- Thực tế sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học LT&C tại lớp học.
- Các dạng bài tập trắc nghiệm thường được sử dụng trong thực tế dạy – học LT&C và mức độ sử dụng các dạng bài tập đó.
- Ưu điểm trong việc sử dụng trắc nghiệm khách quan trong dạy – học LT&C.

Với mục đích tìm hiểu các vấn đề trên chúng tôi đã xây dựng phiếu điều tra và tiến hành điều tra tại khối lớp 4 trường tiểu học Ngô Quyền. Số phiếu phát ra là 4 và cũng đã thu về 4 phiếu. Dựa vào những kết quả thu được trong phiếu điều tra chúng tôi đã tiến hành xử lí số liệu dựa trên các phương pháp nghiên cứu khoa học đã được tìm hiểu. Thông qua đó, rút ra kết luận về nhận thức của giáo viên và thực tế sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong các lớp này.

* *Phương pháp quan sát và trò chuyện:*

Hai phương pháp này được sử dụng sau các tiết dạy thực nghiệm và trong những thời gian giải lao để tìm hiểu thêm về suy nghĩ cụ thể của giáo viên về vấn đề sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy học. Ngoài ra, hai phương pháp này còn hỗ trợ giúp đảm bảo tính khách quan và chính xác của các phiếu điều tra đã thực hiện.

Cũng thông qua quá trình quan sát và trò chuyện với quý thầy cô, chúng tôi đã nhận được thêm nhiều chia sẻ của thầy cô về kinh nghiệm thực tế trong việc vận dụng các bài tập trắc nghệm khách quan để dạy học. Những kinh nghiệm thực tế về việc sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiemj khách quan, không chỉ trong phân môn LT&C mà còn trong các môn học khác đã giúp tôi có cái nhìn sâu sát, cụ thể và bao quát hơn về vấn đề mà mình nghiên cứu.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM
TRUNG TÂM HỌC LIỆU

1.2.2. Thực trạng của vấn đề

* Về nhận thức của giáo viên:

Thực tế cho thấy nhận thức của con người về một vấn đề là cơ sở để thực hiện các việc làm liên quan đến vấn đề. Vì thế, để tìm hiểu việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học ở các lớp thì trước tiên tôi tiến hành tìm tiểu về nhận thức của các giáo viên thông qua phiếu điều tra đã được trình bày ở phần phụ lục 3:

Dựa vào kết quả điều tra tôi nhận thấy rằng, các thầy cô giáo cơ bản đều có nhận thức đúng đắn về vai trò của các bài tập trắc nghiệm khách quan trọng quá trình dạy – học:

Bảng 1: Việc sử dụng bài tập tự luận và bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học hiện nay.

Mức độ / Dạng bài tập	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Bài tập tự luận	0 %	25 %	75 %	0 %
2. Bài tập trắc nghiệm khách quan	25 %	50 %	25 %	0 %

Qua bảng số liệu ta nhận thấy giáo viên khối lớp 4 của trường tiểu học Ngô Quyền đều cho rằng phần bài tập tự luận là cần thiết và chú trọng đến việc sử dụng bài tập tự luận trong dạy – học hơn. Đối với bài tập trắc nghiệm khách quan có tới 25% giáo viên cho rằng dạng bài tập này không cần sử dụng.

Bảng 2: Sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan để dạy – học trong phân môn LT&C.

Mức độ / Tỉ lệ	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
	25 %	50 %	25 %	0 %

Bảng 3: Thực tế sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học LT&C tại lớp học.

Mức độ / Tỉ lệ	Rất hạn chế	Bình thường	Thường xuyên
	75%	25 %	0 %

Qua bảng 2 và 3 ở trên chúng ta thấy mức độ sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan ở các lớp để dạy học LT&C là rất thấp, chỉ có 25% giáo viên sử dụng với mức độ bình thường trong khi về mặt nhận thức thì có 75% giáo viên cho rằng sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học là tốt.

Bảng 4: Các dạng bài tập trắc nghiệm thường được sử dụng trong thực tế dạy – học LT&C tại các lớp và mức độ sử dụng các dạng bài tập đó.

Các dạng bài tập Trắc nghiệm khách quan	**Mức độ sử dụng**		
	Thường xuyên	***Bình thường***	***Rất hạn chế***
1. Trắc nghiệm trả lời ngắn	50 %	25 %	25 %
2. Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi	25 %	50 %	25 %
3. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	50 %	50 %	0 %
4. Trắc nghiệm đúng – sai	0 %	25 %	75 %
5. Trắc nghiệm điền thế	50 %	25 %	25 %

Bảng 4 cho chúng ta thấy dạng trắc nghiệm trả lời ngắn trắc nghiệm nhiều lựa chọn và trắc nghiệm điền thế được giáo viên sử dụng thường xuyên hơn so với dạng trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi và trắc nghiệm đúng – sai. Đặc biệt là trắc ngiệm đúng – sai được sử dụng rất hạn chế. Điều này làm giảm đi sự phong phú của hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan và cũng là làm giảm đi số lượng bài tập, dạng bài tập có thể xây dựng cho học sinh.

Bảng 5: Ưu điểm trong việc sử dụng trắc nghiệm khách quan trong dạy – học Luyện từ và câu.

Ưu điểm	***Mức độ lựa chọn***
Tốn công ra đề khi soạn nhưng chấm và cho điểm khá dễ dàng và chính xác.	100 %
Học sinh hiểu bài nhanh và nhớ bài lâu.	15 %
Khách quan trong chấm bài.	100 %
Đánh giá được khả năng diễn đạt, đặc biệt là diễn đạt tư duy hình tượng.	50 %
Ít tốn thời gian chấm bài.	100 %
Kiểm tra được khối lượng rộng về nội dung kiến thức của bài học	100 %
Gây được hứng thú học tập cho học sinh.	50 %
Thu được mối liên hệ ngược từ học sinh một cách nhanh nhất.	25 %

Đối với những giáo viên được điều tra, hầu hết các thầy cô đều nắm được ưu điểm của bài tập trắc nghiệm khách quan là tạo nên sự khách quan trong chấm bài, ít tốn thời gian chấm bài và gây được hứng thú học tập cho các em. Và tất cả các thầy cô đều hiểu rằng để xây dựng đề bài trắc nghiệm khách quan thì giáo viên phải bỏ ra rất nhiều công sức. Tuy nhiên, ít có thầy cô đồng ý với việc trắc nghiệm khách quan được sử dụng trong dạy – học có thể giúp học sinh hiểu bài nhanh và nhớ bài lâu và có thể thu được mối liên hết ngược từ học sinh một cách nhanh nhất. Chính vì thế nên thầy cô chưa sử dụng nhiều bài tập trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy. Vậy nên, bài tập trắc nghiệm khách quan chưa phát huy được hết vai trò của mình trong dạy học Tiếng Việt nói chung và trong dạy Luyện từ và câu nói riêng ở tiểu học.

* * *
*

Qua chương này, chúng tôi đã tìm hiểu được những cơ sở lí luận liên quan đến đề tài nghiên cứu, mở rộng một số kiến thức và tìm hiểu sâu hơn về trắc nghiệm khách quan và tìm hiểu về nội dung các bài dạy về câu trong phân môn LT&C lớp 4.

Bên cạnh đó, việc tiến hành điều tra thực trạng tại trường tiểu học Ngô Quyền giúp chúng tôi nắm bắt tình hình thực tế, các suy nghĩ, nhận thức của giáo viên ở trường đối với vấn đề nghiên cứu. Đây là cơ sở để chúng tôi tiếp tục thực hiện tốt quá trình nghiên cứu tiếp theo

Chương 2. Hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan phục vụ cho việc dạy học câu trong phân môn LT & C lớp 4

2.1. Quy trình và căn cứ xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong phân môn LT&C lớp 4

2.1.1. Quy trình xây dựng bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong phân môn LT&C lớp 4

- Bước 1: Xây dựng đề cương môn học / phần học / chương học.
- Bước 2: Xác định phạm vi và mục đích của những bài tập trắc nghiệm sẽ xây dựng.
- Bước 3: Xây dựng kế hoạch soạn bài trắc nghiệm.
- Bước 4: Chọn lựa dạng trắc nghiệm và bắt đầu viết câu trắc nghiệm.
- Bước 5: Tự kiểm tra lại các câu trắc nghiệm.
- Bước 6: Tổ chức cho học sinh làm bài trắc nghiệm và thu thập kết quả.
- Bước 7: Đánh giá chất lượng làm bài trắc nghiệm của học sinh.
- Bước 8: Rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài tập trắc nghiệm cho phù hợp.

2.1.2. Căn cứ để xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong phân môn LT&C lớp 4

Để xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan về câu trong phân môn LT&C lớp 4, chúng tôi đã căn cứ vào những nội dung sau:

- Chương trình giáo dục phổ thông – Cấp tiểu học.
- Chương trình môn học và hoạt động giáo dục của môn tiếng Việt.
- Nội dung dạy – học Tiếng Việt ở lớp 4, cụ thể:
  + Kiến thức
  + Kĩ năng
- Chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn Tiếng Việt lớp 4.
- Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng các môn học ở tiểu học cho lớp 4.
- Nội dung các bài dạy về LT&C nói chung và các bài dạy về câu trong phân môn LT&C lớp 4 nói riêng.

2.2. Hệ thống bài tập

2.2.1. Trắc nghiệm đúng – sai

*** Chủ điểm: Thương người như thể thương thân**

Câu 1: Ghi Đ (Đúng) hoặc S (Sai) vào ô trống để xác định chủ ngữ (C)và vị ngữ (V) trong các câu sau:

a) Bạn ấy // là học sinh giỏi của lớp ☐
C V

b) Những ngọn núi // đang ẩn mình trong mây trắng. ☐
V C

**** Chủ điểm: Những người quả cảm***

Câu 2: Đọc câu sau: *Hãy nói cho ta biết vì sao cháu cười được!*

Hãy điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào các ô trống câu trả lời dưới đây:

a) ☐ 1. Câu trên là câu khiến.
b) ☐ 2. Câu trên không phải là câu khiến.

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống đặt trước mỗi câu:

Muốn đặt câu cầu khiến ta có thể:

a) ☐ Thêm từ **lên** hoặc **đi, thôi, nào**,... vào cuối câu.
b) ☐ Thêm từ **đề nghị** hoặc **xin, mong**,... vào cuối câu.

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống trước mỗi câu sau:

a) ☐ Câu khiến dùng để nêu ***yêu cầu, đề nghị, mong muốn***... của người nói, người viết với người khác.

b) ☐ Muốn đặt câu khiến có thể thêm từ ***hãy, đừng, chớ, nên, phải***... vào trước động từ.

Câu 5: Lan và Hoa đều muốn dùng câu cảm để bày tỏ niềm vui khi bước vào năm học mới. Em hãy đọc và ghi Đ (đúng) nếu đó là câu cảm hoặc S (sai) nếu đó chưa phải là câu cảm vào ô trống đặt trước mỗi câu:

a) ☐ Hôm nay là ngày khai giảng nên mọi người đều vui vẻ.
b) ☐ Hôm nay khai giảng vui quá!

** Chủ điểm: Khám phá thế giới*

Câu 6: Em hãy xác định các câu có chứa trạng ngữ trong những câu dưới đây bằng cách ghi Đ vào ô trống trước câu có trạng ngữ, S vào ô trống trước câu không có trạng ngữ:

a) ☐ Trên trời có rất nhiều đám mây trắng đang trôi bồng bềnh.

b) ☐ Trên bầu trời, những đám mây trắng đang trôi bồng bềnh.

c) ☐ Sau những đêm dài vất vả là những ngày ngập tràn hạnh phúc .

d) ☐ Sau những đêm dài vất vả, họ lại có những ngày ngập tràn hạnh phúc.

Câu 7: Với yêu cầu thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu văn có sẵn, 3 bạn Hoa, Hồng, Hương đã làm ba câu khác nhau. Em hãy lựa chọn câu đúng và ghi Đ vào ô trống, nếu sai em hãy ghi S vào ô trống:

☐ Hồng: *Thật chậm rãi*, ông mặt trời đang dần dần nhô lên.

☐ Nga: *Ở phía chân trời xa xa*, ông mặt trời đang đần dần nhô lên.

☐ Huệ: *Khi bình mình đến*, ông mặt trời đang dần dần nhô lên.

** Chủ điểm: Tình yêu cuộc sống*

Câu 8: Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi bên dưới bằng cách ghi Đ vào ô trống trước câu trả lời đúng và S cho câu trả lời sai:

Ngoài đường, lửa khói mịt mù. Điều đó rất có lợi cho Ga-vrốt. Dưới màn khói và với thân hình bé nhỏ, cậu bé có thể tiến ra xa ngoài đường mà không ai trông thấy. Ga-vrốt dốc bảy, tám bao đạn đầu tiên không có gì nguy hiểm lắm. Em nằm xuống rồi lại đứng thẳng lên, ẩn vào một góc cửa, rồi lại phốc ra, tới, lui, dốc cạn các bao đạn và chất đầy giỏ.

Đoạn văn trên có dùng những loại trạng ngữ nào?

a. ☐ trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn

b. ☐ trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ mục đích

c. ☐ trạng ngữ chỉ mục đích, trạng ngữ chỉ phương tiện

d. ☐ trạng ngữ chỉ phương tiện, trạng ngữ chỉ nơi chốn

Câu 9: Em hãy lựa chọn trạng ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu dưới đây và sau đó trả lời câu hỏi bên dưới bằng cách viết Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống trước mỗi câu:

Mải vui, Thoắt cái, Để xây dựng nhà văn hóa, Mặt trời lặn, Với đôi chân nhanh nhẹn

a) ....., gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.

b) ....., ánh sáng chiếu soi vào bóng tối cửa đền.

c) ....., em quên làm bài cô giáo giao.

d) ....., mọi người quyết định lập quỹ tiết kiệm trong thôn.

e) ....., Nam vượt qua các đối thủ khác để về đích trước.

Dựa vào các câu đã điền ở trên em hãy trả lời các câu sau:

1. ☐ Tất cả các câu trên đều có trạng ngữ.

2. ☐ Câu d) có chứa trạng ngữ chỉ mục đích.

3. ☐ Câu c) và câu e) có trạng ngữ chỉ nguyên nhân.

2.2.2. Trắc nghiệm điền thế

** Chủ điểm: Thương người như thể thương thân*

Câu 10: Đoạn văn dưới đây còn thiếu một vài dấu câu. Em hãy đọc kĩ đoạn văn và điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống:

Tính tôi hay nghịch ranh ☐ Chẳng bận đến tôi ☐ tôi cũng nghĩ mưu trêu chọc chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi ☐

- Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không?

** Chủ điểm: Có chí thì nên*

Câu 11: Em hãy đọc đoạn văn sau và điền thông tin cần thiết vào bảng ở dưới:

Cậu Cóc Tía bé bằng nửa nắm tay đang ngồi nghiến răng cạnh hàng rào. Thấy Mèo con đi tới, cậu lồi hai mắt ra, nhìn trân.

- À, ra cậu là Cóc Tía, cậu ông Giời đấy! Cậu bé thế, có sợ tôi không?
- Việc gì mà sợ?
- Thảo nào người ta bảo cậu có cái gan to lắm.
- Gan ta có gì mà to?
- Thế sao cậu không sợ? Gián Đất hắn bảo ai mà nhỏ yếu thì phải sợ kẻ khác cơ mà.

Thứ tự	Câu hỏi	Câu hỏi của ai?	Để hỏi ai?	Từ nghi vấn?

Câu 12: Trong bài chính tả của mình, một bạn đã để trống bài tập điền thêm từ ngữ thích hợp để các câu đã cho trở thành câu hỏi. Em hãy giúp bạn hoàn thành bài tập này.

a) ..... hôm nay Lan không đi học?

b) Có ..... dân tộc trên đất nước Việt Nam?

c) ..... là người phát minh ra bóng đèn?

d) ..... em đã làm vỡ lọ hoa này không?

Câu 13: Các câu dưới đây đều hỏi về chiếc máy bay nhưng chưa được hoàn thiện, em hãy điền thêm phần còn thiếu.

a) Máy bay đó chở được ..... người?

b) Một chiếc máy bay bình thường có trọng lượng là .....?

c) ..... là người lái máy bay?

d) ..... thì máy bay có thể đạt được tốc độ nhanh nhất?

Chủ điểm: Tiếng sáo diều

Câu 14: Cô giáo dạy Nam phải giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi. Nhưng Nam băn khoăn không biết phải thêm những từ gì để các câu hỏi dưới đây được lịch sự. Em hãy giúp Nam sửa lại.

a) ....., cho mình mượn bút của cậu có có được không?

b) Bác đi ra đồng .....?

c) ....., đây có phải là nhà của bạn Bình?

**** Chủ điểm: Người ta là hoa đất***

Câu 15: Em hãy thêm phần vị ngữ thích hợp cho mỗi câu kể *Ai thế nào?* dưới đây:

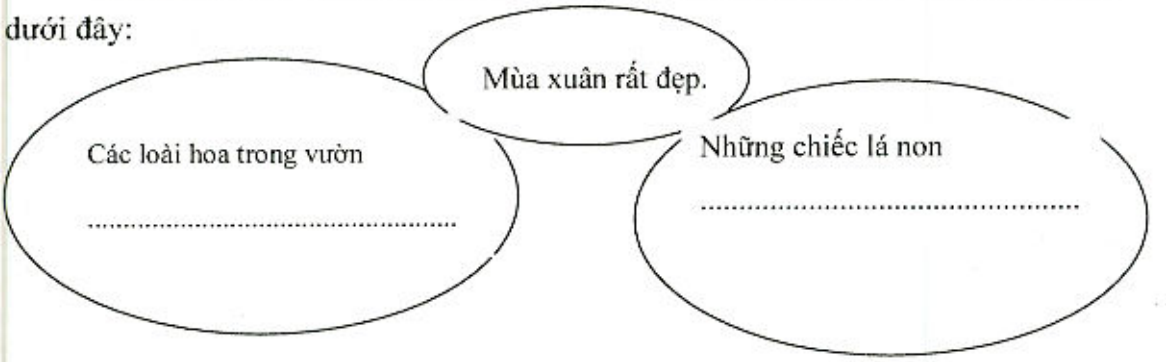

Câu 16: Điền các danh từ dưới đây vào chỗ trống và thêm các từ (cụm từ) cần thiết để tạo thành câu kể *Ai thế nào?* sao cho hợp lí và cho biết vai trò của danh từ ấy trong câu là gì:

những chú ong thợ, vườn hoa, bà lão.

a) ..... ấy ..... khuôn mặt hiền từ, phúc hậu.

b) ..... thì ..... kiếm mật hoa về tổ.

c) ..... ngày tết ..... bao sắc màu tươi tắn.

Câu 17: Điền từ, cụm từ và dấu câu thích hợp vào mỗi chỗ chấm để tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh:

- một người nổi tiếng nhân từ -, dấu phẩy, dấu chấm, dấu phẩy

Một lần ....*(a)*.... bác sĩ Ly ....*(b)*.... đến thăm bệnh cho ông chủ quán trọ. Tên chúa tàu lúc ấy đang ê a bài hát cũ. Hát xong ....*(c)*.... hắn quen lệ đập tay xuống bàn quát mọi người im. Ai nấy nín thít ....*(d)*.... Riêng bác sĩ vẫn ôn tồn giảng giải cho ông chủ quán trọ cách trị bệnh.

a) .....
b) .....
c) .....
d) .....

**** Chủ điểm: Những người quả cảm***

Câu 18: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

Khi viết, cuối câu khiến có ..... hoặc dấu chấm.

Câu 19: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu khiến dưới đây: ***đừng, phải, nào, đề nghị, chớ, đi.***

a) Mọi người tiếp tục làm việc .....
b) Khi làm lễ chào cờ mọi người đều ..... đứng nghiêm trang.
c) ..... các bạn yên lặng.
d) Đã có hiệu lệnh, các em ra sân tập thể dục ..... !
e) ..... quên tắt điện khi ra khỏi phòng.
f) ..... thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

**** Chủ điểm: Khám phá thế giới***

Câu 20: Để đoạn văn thêm hay, cô giáo hướng dẫn Hà thêm vào các câu bộ phận trạng ngữ chỉ thời gian. Hà băn khoăn chưa biết lựa chọn thế nào cho hợp lí. Em hãy giúp bạn Hà:

từng ngày, chỉ qua một đêm thôi, và rồi từng ngày, mỗi khi mùa xuân về .....*(a)*....., những búp bàng cựa mình chui ra khỏi những nhánh khô gầy, khẳng khiu sau cả mùa đông dài ấp ủ dòng nhựa nóng. ....*(b)*....., những chồi xanh li ti đã điểm tím hết cành to, cành nhỏ. ....*(c)*....*(d)*.... những chồi xanh ấy lớn nhanh như thổi, mỗi ngày mỗi khác, mỗi lúc mỗi khác. Cái màu xanh mượt mà, cái sức sống quyết liệt ấy đã gợi mở rất nhiều điều mới lạ trong tôi.

Câu 21: Em hãy tìm phần trạng ngữ phù hợp với ngữ cảnh đặt ra trong câu và điền vào chỗ trống:

cũng nhờ siêng năng, vì nắng, với tính chăm chỉ, nhờ cu Tí, tại trời mưa

a) ....., sáng nay, tôi không bỏ quên sách bài tập ở nhà.

b) ....., nên cây cối trong vườn đều trở nên héo úa.

c) ....., mà cái Hoa đã đạt thành tích tốt trong kì thi vừa rồi.

d) ....., chú mèo mướp bắt được rất nhiều chuột.

Câu 22: Lựa chọn phần trạng ngữ phù hợp và điền vào chỗ trống cho đúng:

vì mùi thơm quyến rũ ấy, để giúp bé ngon miệng,
để làm nên những chiến công hiển hách, nhằm tạo ra kịch tính

a) ....., mẹ thường xuyên thay đổi món ăn hằng ngày.

b) ....., tôi đã giấu mẹ ăn vụng mấy chiếc bánh rán.

c) ....., các chiến sĩ luôn đặt tình yêu quê hương đất nước lên trên hết.

Câu 23: Thêm trạng ngữ thích hợp cho mỗi câu sau:

a) ....., hoa cúc lại nở rộ.

b) ....., những chú chim họa mi đang say sưa hót.

c) ....., Bình luôn cố gắng học tập thật tốt.

d) ....., Nam đã tìm ra câu trả lời trước mọi người.

Câu 24: Điền từ, cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành phát biểu sau:

Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng các từ ..... và trả lời cho các câu hỏi .....

Câu 25: Điền các từ ***nhờ, vì, bởi*** tại vào chỗ trống:

a) ..... nắng, cây cỏ trong vườn đều héo úa.

b) ..... chăm chỉ, Minh được cô giáo khen ngợi.

c) ..... ham chơi, Quân không hoàn thành bài tập cô giao.

2.2.3. Trắc nghiệm trả lời ngắn

** Chủ điểm: Thương người như thể thương thân*

Câu 26: Một bạn thắc mắc về ý nghĩa của từ "lầu" và vai trò của dấu ngoặc kép được dùng trong khổ thơ dưới đây. Em hãy giúp bạn tìm câu trả lời.

Có bạn tắc kè hoa
Xây "lầu" trên cây đa
Rét, chơi trò đi trốn
Đợi ấm trời mới ra.

- Phạm Đình Ân -

Từ "lầu" trong câu trên được dùng với ý nghĩa là gì?

.....

Dấu ngoặc kép trong trường hợp này được dùng để làm gì?

.....

Câu 27: Em hãy cho biết dấu gạch ngang trong các câu sau được dùng để làm gì?

a) Một lần, bác sĩ Ly – một người nổi tiếng nhân từ – đến thăm bệnh cho ông chủ quán trọ.

.....

b) Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi:

- Cháu con ai?

.....

Câu 28: Theo em thì dấu câu nào được dùng để báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc là lời giải thích cho bộ phận đứng trước?

.....

** Chủ điểm: Có chí thì nên*

Câu 29: Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) được dùng để làm gì?

.....

Câu 30: Hãy tìm các từ nghi vấn trong mỗi câu hỏi dưới đây và gạch chân, sau đó hãy đặt câu hỏi với mỗi từ tìm được.

a) Ai là bạn tốt nhất của cậu?

.....

b) Ngoài trời mưa đã tạnh chưa?

.....

Câu 31: Em hãy đặt câu hỏi sao cho câu trả lời là các bộ phận câu được in đậm dưới đây:

a) **Con tê tê** còn có tên gọi là con xuyên sơn.

.....

b) Trước nhà, **mấy cây bông giấy** nở hoa tưng bừng.

.....

**** Chủ điểm: Tiếng sáo diều***

Câu 32: Nam đố Vinh đặt một câu hỏi để xin phép mẹ đi chơi. Vinh nghĩ mãi chưa ra, em hãy giúp bạn ấy.

.....

Câu 33: Em hãy đọc kĩ các câu hỏi dưới đây và cho biết mỗi câu hỏi đó được dùng để làm gì.

a) Mẹ đã dặn ở nhà phải chú ý trông em mà sao con lại để em nghịch thế này?

.....

b) Này, cậu có định trả cây bút ấy cho tớ không đấy?

.....

Câu 34: Dưới đây có một số câu hỏi, em hãy đặt những câu hỏi đó vào tình huống thích hợp để nó trở thành câu hỏi với mục đích khác.

a) Con buồn ngủ rồi à?

.....

b) Cháu lại để quên ô rồi sao?

.....

c) Cậu cứ ồn như thế này làm sao mà tớ làm bài được đây?

.....

Câu 35: Đọc câu dưới đây và trả lời câu hỏi

Những cụ già vẻ mặt nghiêm trang.

a) Câu trên là loại câu kể gì?

.....

b) Chủ ngữ của câu trên là gì?

.....

c) Vị ngữ của câu trên là gì?

.....

Câu 36: Đặt câu hỏi cho mỗi tình huống dưới đây sao cho mỗi câu đều thể hiện phép lịch sự trong đó.

a) Em xin phép ba cho em đi đá bóng với bạn.

.....

b) Em rủ bạn đi thả diều.

.....

Câu 37: Em hãy đặt một vài câu kể để:

a) Kể với ông bà về món quà sinh nhật mà ba đã tặng cho em.

.....

b) Kể cho bạn thân của em nghe về lần về quê ngoại của mình.

.....

**** Chủ điểm: Người ta là hoa đất***

Câu 38: Em hãy quan sát bức tranh dưới đây và đặt hai câu kể *Ai làm gì?* để kể về hoạt động của mọi người trong bức tranh.

Bắt chạch đu đôi

.....

.....

Câu 39: Em hãy đặt câu kể *Ai làm gì?* với các từ ngữ sau làm chủ ngữ:

a) Mọi người trong thôn

.....

b) Tất cả học sinh của trường

.....

Câu 40: Quan sát bức tranh dưới đây và đặt câu kể *Ai làm gì?* cho hoạt động của mỗi nhóm người trong tranh: (hai chị em, các cô bán hàng)

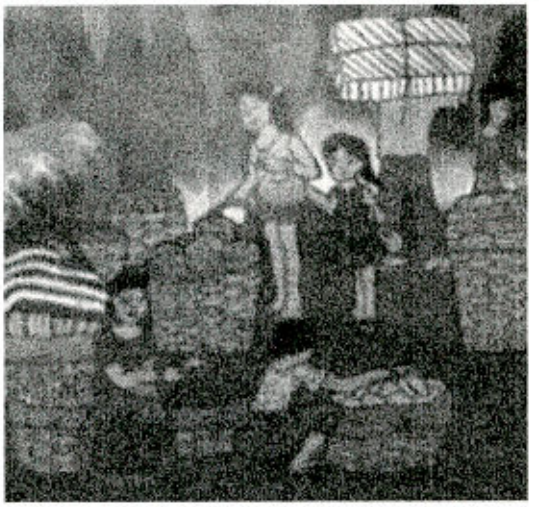

.....

Câu 41: Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ai thế nào?* trong các câu dưới đây và điền vào chỗ trống:

a) Sau trận mưa đêm qua, con đường ven làng trơn như đổ mỡ.

.....

b) Tóc bà đen và dày kì lạ, phủ kín cả hai vai, xõa xuống ngực, xuống đầu gối.

.....

Câu 42: Tìm câu kể *Ai thế nào?* trong đoạn văn dưới đây và xác định các bộ phận chính của câu đó:

Cuộc sống quanh ta thật đẹp. Có cái đẹp của đất trời: nắng chan hòa rót mật xuống quê hương, khóm trúc xanh rì rào trong gió sớm, những bông cúc vàng lóng lánh sương mai... Có cái đẹp do bàn tay con người tạo nên: những mái chùa cong vút, những bức trang rực rỡ sắc màu, những bài ca náo nức lòng người...

.....

Câu 43: Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Câu kể *Ai là gì?* được dùng để làm gì?

.....

b) Trong câu kể *Ai là gì?* vị ngữ được nối với chủ ngữ bằng từ nào?

.....

Câu 44: Đặt câu kể *Ai là gì?* với vị ngữ là các cụm từ cho sẵn sau:

a) màu sắc rực rỡ

.....

b) thông minh và hoạt bát

.....

Câu 45: Em hãy dùng những từ ngữ dưới đây để đặt câu kể *Ai là gì?*

a) Vịnh Hạ Long

.....

b) Bác Hồ

.....

c) Mẹ của em

.....

**** Chủ điểm: Vẻ đẹp muôn màu***

Câu 46: Em hãy thêm 1 câu kể *Ai là gì?* vào chỗ trống của đoạn văn dưới đây cho hợp lí và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Dòng sông vẫn thầm lặng chảy qua nơi đây. ..... Nó cung cấp nước tưới cho những cánh đồng lúa xanh mơn mởn. Nó tặng cho lũ trâu những dòng nước tắm mát cho sau một ngày dài vất vả kéo cày. Con sông sẽ mãi là người mẹ dịu hiền của quê tôi.

Trong đoạn văn trên đâu là:

- Chủ ngữ của câu kể *Ai là gì?*:

.....

- Vị ngữ của câu kể *Ai là gì?*:

.....

Câu 47: Cho câu sau: *Mẹ đang nấu cơm.*

a) Em hãy chuyển câu trên thành câu hỏi.

.....

b) Em hãy chuyển câu trên thành câu cảm.

.....

**** Chủ điểm: Khám phá thế giới***

Câu 48: Khi viết *câu cảm*, người ta thường đặt dấu câu nào ở cuối câu?

.....

Câu 49: Em hãy chuyển các câu dưới đây thành *câu cảm*:

a) Chim họa mi thì hót hay.

.....

b) Minh đã làm xong hết bài tập về nhà.

.....

c) Trời mưa.

.....

Câu 50: Em hãy cho biết trạng ngữ đóng vai trò gì trong câu?

.....

**** Chủ điểm: Tình yêu cuộc sống***

Câu 51: Em hãy gạch chân dưới thành phần phụ chỉ trạng ngữ trong các câu sau và sau đó thay trạng ngữ đã có bằng một trạng ngữ mới:

a) Dưới nắng hè, chú bướm vàng tung tăng bay lượn trên đóa hồng đỏ thắm.

.....

b) Sau giờ học, Minh và các bạn cùng tới thăm cô giáo.

.....

Câu 52: Em hãy viết câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn để:

a) Tả cảnh sân trường em giờ chào cờ.

.....

b) Kể về quê hương em.

.....

Câu 53: Đâu là trạng ngữ chỉ phương tiện trong câu sau:

Bằng món mầm đá "độc đáo", Trạng Quỳnh đã giúp chúa Trịnh hiểu vì sao chúa thường ăn không ngon miệng.

.....

Câu 54: Để nói lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu, ta có thể thêm vào câu những trạng ngữ gì?

.....

Câu 55: Đọc kĩ câu sau đây:

Đến ngày đến tháng, cây lại nhờ gió phân phát đi khắp chốn những múi bông trắng nuột nà.

Em hãy gạch chân dưới thành phần trạng ngữ của câu và cho biết đó là trạng ngữ gì?

.....

2.1.4. Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi

**** Chủ điểm:Thương người như thể thương thân***

Câu 56: Mỗi câu ở cột A đều thiếu một dấu câu. Em hãy chọn dấu câu thích hợp ở cột B để nối cho đúng:

Cột A	Cột B
1. Chị Ba khẽ đặt tay lên vai tôi rồi nói	**a.** Dấu phẩy
2. Bác Hằng ..... mẹ của thằng Minh ..... mang cho nhà tôi chú cún con có bộ lông màu trắng.	**b.** Dấu hai chấm
3. Ngày hôm đó ..... khi trời còn chưa kịp sáng ..... Nam đã thức dậy cùng bố để ra bến xe.	**c.** Dấu gạch ngang
	d. Dấu ngoặc kép

Câu 57: Nối các cột để chọn dấu thích hợp điền vào chỗ trống:

Cột A	Cột B
1. Một hôm, Đỗ thái hậu và vua tới thăm ông, hỏi ☐	**a.** Dấu gạch ngang
2. Tre xanh, Xanh tự bao giờ ☐	**b.** Dấu hai chấm
3. Cứ mỗi chiều nghe dừa reo trước gió Tôi hỏi nội tôi: ☐ Dừa có tự bao giờ? ☐	**c.** Dấu chấm hỏi
4. Ca ☐ lô đội lệch Mồm huýt sáo vang	**d.** Dấu ngoặc kép

**** Chủ điểm: Có chí thì nên***

Câu 58: Em hãy xác định các câu được in đậm dưới đây thuộc kiểu câu nào bằng cách nối ý ở cột này với cột kia

Kiểu câu	Câu
1. Câu khiến	**a. Ngoài thềm rơi cái lá đa** **Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.**
2. Câu hỏi	**b.** Cái na đã tỉnh giấc rồi **Đàn chuối đứng vỗ tay cười vui sao!**
3. Câu cảm	**c. Trăng ơi từ đâu đến?** Hay từ cánh rừng xa.
4. Câu kể	**d.** Không thể chờ, không thể chờ được nữa **Đập cửa mau, đập cửa!**

**** Chủ điểm: Tiếng sáo diều***

Câu 59: Em hãy dựa vào tình huống nêu ở cột A để viết thành các câu câu hỏi với mục đích đúng như em đã nối với ý của cột B (Lưu ý: mỗi ý ở cột A chỉ được nối với một ý ở cột B):

Câu hỏi	Mục đích hỏi
1. Chị thích bài văn của em.	**a.** Để nhờ cậy
2. Một bà lão tìm đường đến bến xe.	**b.** Để khẳng định
3. Em muốn các bạn trật tự trong giờ học.	**c.** Để khen ngợi
4. Cô giáo nói về tác dụng của việc chú ý học.	**d.** Để yêu cầu

Câu 60: Em hãy nối ý ở cột A mà em thấy phù hợp khi đặt vào chỗ trống trong câu ở cột B để tạo thành câu kể:

Cột A	Cột B
1. cho học sinh đi nghỉ mát	**b.** Chân trời, ngấn bể .....lau hết mây hết bụi.
2. con sóng bạc đầu gối nhau đùa giỡn	**c.** Trường em tổ chức ..... ở bãi biển Sầm Sơn.
3. sạch như một tấm kính	**d.** Những .....tạo nên những khúc hát du dương.

**** Chủ điểm: Người ta là hoa đất***

Câu 61: Nối các ý ở cột A với ý ở cột B để tạo thành câu kể *Ai làm gì?* :

Cột A	Cột B
1. Mùa xuân, mọi người	**a.** đang bắt chuột trong xó xếp.
2. Những chú mèo nhà bà	**b.** rủ nhau chơi trốn tìm ở đầu ngõ.
3. Hè về, lũ trẻ xóm tôi	**c.** cũng đọc truyện cổ tích cho bé nghe.
4. Tối nào, mẹ bé Hà	**d.** nô nức đi trẩy hội.

Dựa vào kết quả tìm được ở trên em hãy nối các ý ở hai cột A, B và điền thông tin đầy đủ vào chỗ trống dưới đây để tạo thành câu trả lời đúng: (CV: chủ ngữ, VN: vị ngữ)

Cột A	Cột B
5. CN trong câu 1 là phần	**e.** trả lời cho câu hỏi: Lũ trẻ xóm tôi làm gì.....?
6. VN trong câu 2 là phần	**f.** trả lời cho câu hỏi: ..... nô nức đi trẩy hội?
7. VN trong câu 3 là phần	**g.** trả lời cho câu hỏi: Ai.....?
8. CN trong câu 4 là phần	**h.** trả lời cho câu hỏi: Những đóa hồng nhà bà...?

**** Chủ điểm: Vẻ đẹp muôn màu***

Câu 62: Em hãy nối các ý ở cột A với các ý ở cột B để tạo thành câu đúng:

a) Chú cún nhà bên có bộ bông màu nâu rất đẹp.

b) Bố của bé Bi là bộ đội biên phòng.

c) Cả ngày, cái Na ngồi đan chiếu cùng mẹ.

Cột A	Cột B
a. Câu kể *Ai làm gì?*	**1.** là câu **a**
b. Câu kể *Ai thế nào?*	**2.** là câu **b**
c. Câu kể *Ai là gì?*	**3.** là câu **c**

Câu 63: Em hãy nối các ý ở cột A với các ý ở cột B để tạo thành câu phù hợp:

Cột A	Cột B
1. Bên đường, cây cối	**a.** bước đi chậm rãi dưới cái nắng gay gắt.
2. Đàn voi của núi rừng	**b.** chính là sử giả của bình minh.
3. Căn nhà lúc về đêm	**c.** xanh um tùm, tỏa rộng bóng mát.
4. Chú gà trống ấy	**d.** không còn ồn ào và nhộn nhịp nữa.
	e. trôi bồng bềnh theo gió.

Dựa vào kết quả vừa có ở phần nối cột trên em hãy lựa chọn ý ở cột C và nối với ý ở cột D để tạo thành câu trả lời đúng nhất:

Cột C	Cột D
1. Trong phần nối cột trên có 3	**a.** câu kể *Ai là gì?*
2. Trong phần nối cột trên có 1	**b.** câu kể *Ai thế nào?*

Câu 64: Thêm vị ngữ cho mỗi câu dưới đây để tạo thành câu hoàn chỉnh và nối câu đó với dạng câu mà nó tạo thành:

Cột A	Cột B
1. Hoa phượng thì	**a.** câu kể *Ai là gì?*
2. Cậu bé tôi gặp lúc sáng là.....	**b.** câu kể *Ai thế nào?*
3. Cả lớp đang	**c.** câu kể *Ai làm gì?*

Câu 65: Chọn từ (cụm từ) thích hợp điền vào chỗ trống trong mỗi câu in đậm ở cột A và nối ý ở cột A với ý ở cột B cho phù hợp với kiểu câu của câu in đậm đó: ***(đỏ rực, chơi xuân, là chị)***

Cột A	Cột B
1. ***Đường quê ..... cờ hồng*** Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời	**a.** Câu kể *Ai làm gì?*
2. Gần xa nô nức yến anh ***Chị em sắm sửa bộ hành .....***	**b.** Câu kể *Ai là gì?*
3. Đầu lòng hai ả tố nga ***Thúy Kiều ....., em là Thúy Vân***	**c.** Câu kể *Ai thế nào?*

Câu 66: Nối kiểu câu ở cột A với câu thích hợp ở cột B:

A	B
1. Câu kể *Ai là gì?*	**a.** Minh đang giúp mẹ thái rau cho lợn.
2. Câu hỏi	**b.** Hoa phượng nở đỏ rực trên sân trường.
3. Câu kể *Ai thế nào?*	**c.** Vì sao hôm nay em đi học trễ?
4. Câu kể *Ai làm gì?*	**d.** Áo dài là trang phục truyền thống của người Việt Nam.
	e. Chiếc váy này mới đẹp làm sao!

**** Chủ điểm: Những người quả cảm***

Câu 67: Em hãy nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp để tạo thành câu khiến:

A	B
1. Học sinh phải	**a.** khi tham gia giao thông!
2. Em đang bị đau	**b.** phải giữ trật tự.
3. Không được vượt đèn đỏ	**c.** làm bài và chép bài đầy đủ.
4. Trong thư viện, mọi người	**d.** Cần phải đến gặp bác sĩ ngay.

Câu 68: Nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho tạo thành câu khiến phù hợp:

A	B
1. Học sinh đi học	**a.** vào đây khi chưa được phép.
2. Không ai được	**b.** phải mặc đúng đồng phục
	c. phải nói chuyện trong giờ học.

**** Chủ điểm: Khám phá thế giới***

Câu 69: Thêm phần còn thiếu vào chỗ trống của các câu cảm dưới đây và cho biết nó bộc lộ cảm xúc gì bằng cách nối ý ở cột A và cột B lại để tạo thành ý đúng: ***(làm sao, trời, a)***

a) Chao ôi, chú chuồn chuồn nước mới đẹp .....!

b) ....., chuyện này thật là kinh khủng!

c) ....., mẹ đã về rồi!

Cột A	Cột B
1. Câu ***a*** bộc lộ	**a.** cảm xúc ngạc nhiên.
2. Câu ***b*** bộc lộ	**b.** cảm xúc vui mừng.
3. Câu ***c*** bộc lộ	**c.** cảm xúc đau xót.

Câu 70: Nối các ý ở cột A với ý ở cột B để phân biệt câu khiến và câu cảm:

Cột A	Cột B
1. Khi viết cuối câu khiến thường có	**a.** dấu chấm than
2. Câu cảm dùng để	**b.** nêu yêu cầu, mong muốn....
3. Khi viết câu cảm thường có	**c.** dấu chấm than hoặc dấu chấm
4. Câu khiến dùng để	**d.** bộc lộ cảm xúc

Dựa vào phần phân biệt trên em hãy chuyển câu kể sau thành câu cảm và câu khiến cho phù hợp: ***Nam đang học bài.***

- Câu cảm:

.....

- Câu khiến:

.....

**** Chủ điểm: Tình yêu cuộc sống***

Câu 71: Nối các ý ở cột A với ý ở cột B để có được phát biểu đúng:

Cột A	Cột B
1. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi ***Khi nào?***	**a.** Trạng ngữ chỉ nơi chốn
2. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi ***Ở đâu?***	**b.** Trạng ngữ chỉ nguyên nhân
3. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi ***Vì sao?***	**c.** Trạng ngữ chỉ mục đích
4. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi ***Để làm gì?***	**d.** Trạng ngữ chỉ thời gian

Câu 72: Thêm phần trạng ngữ thích hợp cho mỗi câu dưới đây và xác định loại của trạng ngữ trong câu đó:

bằng một giọng thân tình, để tìm phòng dịch cho trẻ em, trước rạp, giữa lúc gió đang gào thét ấy, vì rét.

a) ....., người ta dọn dẹp sạch sẽ, xếp một hàng ghế dài.

b) ....., cánh chim đại bàng vẫn bay lượn trên nền trời.

c) ....., những cây lan trong chậu sắt lại.

d) ....., tỉnh đã cử nhiều đội y tế về các bản.

e) ....., thầy khuyên răn chúng em gắng học bài, làm bài đầy đủ.

Dựa vào các câu văn đã hoàn thành em hãy nối các ý ở cột A với ý ở cột B để tạo thành câu trả lời hoàn chỉnh nhất:

Cột A	Cột B
1. Trạng ngữ ở câu **a** là	**a.** Trạng ngữ chỉ nơi chốn
2. Trạng ngữ ở câu **b** là	**b.** Trạng ngữ chỉ nguyên nhân
3. Trạng ngữ ở câu **c** là	**c.** Trạng ngữ chỉ mục đích
4. Trạng ngữ ở câu **d** là	**d.** Trạng ngữ chỉ thời gian
5. Trạng ngữ ở câu **e** là	**e.** Trạng ngữ chỉ phương tiện
	f. Trạng ngữ chỉ cách thức

Câu 73: Em hãy gạch chân để xác định phần trạng ngữ (TN) trong các câu ở cột A rồi dựa và đó để nối với loại trạng ngữ thích hợp ở cột B:

Cột A	Cột B
1. Lúc hoàng hôn, Ăng-co Vát thật huy hoàng.	**a.** TN chỉ mục đích
2. Trước nhà, cây bông giấy nở hoa tưng bừng.	**c.** TN chỉ thời gian
3. Nhờ học hành chăm chỉ, Lan đã đạt danh hiệu học sinh giỏi.	**d.** TN chỉ nguyên nhân
4. Vì Tổ quốc, thiếu niên sẵn sàng.	**e.** TN chỉ nơi chốn

2.1.5. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

**** Chủ điểm: Thương người như thể thương thân***

Câu 74: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái in hoa trước câu trả lời em cho là đúng nhất để lựa chọn dấu câu thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

Cáo kia đon đả ngỏ lời □

"Kìa anh bạn quý, xin mời xuống đây

Để nghe cho rõ tin này

Muôn loài mạnh yếu từ rày kết thân"

A. Dấu gạch ngang

B. Dấu chấm hỏi

C. Dấu hai chấm

D. Dấu chấm than

Câu 75: Bạn Nam vừa đặt một câu và có sử dụng dấu ngoặc kép. Nam đố Minh dấu ngoặc kép trong trường hợp này được dùng để làm gì. Em hãy giúp Minh trả lời bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng:

Bé Bi suốt ngày "mít ướt" làm mẹ phải khó chịu.

Dấu ngoặc kép ở câu trên được dùng để:

A. Dẫn lời nói trực tiếp

B. Đánh dấu từ ngữ được dùng với nghĩa đặc biệt

C. Đánh dấu từ ngữ

D. Nhấn mạnh ý nghĩa của từ

**** Chủ điểm: Có chí thì nên***

Câu 76: Đọc đoạn thơ dưới đây và khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng về số câu hỏi có trong đoạn thơ:

Huế trầm mặc hôm nay sao khác khác
Những mắt huyền ngơ ngác hỏi thầm nhau
Chân nôn nao như khách đợi mong tàu
Bước dò bước, không biết sau hay trước?
Tim hồi hộp, vì sao? Ai hẹn ước?
Ai đang về? Dáng đó thấp hay cao?

Huế tháng tám – Tố Hữu

A. 3 câu hỏi
B. 4 câu hỏi
C. 5 câu hỏi
D. 6 câu hỏi

Câu 77: Đọc các câu dưới đây và cho biết có bao nhiêu từ nghi vấn trong các câu đó. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

- Có phải chú bé Đất trở thành chú Đất Nung không?
- Chú bé Đất trở thành chú Đất Nung à?
- Chú bé đất trở thành chú Đất Nung, phải không?

A. Có 4 từ nghi vấn
B. Có 3 từ nghi vấn
C. Có 2 từ nghi vấn
D. Có 1 từ nghi vấn

**** Chủ điểm: Tiếng sáo diều***

Câu 78: Gạch chân dưới câu hỏi trong đoạn văn sau và cho biết câu hỏi đó được sử dụng với mục đích gì bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước trả lời đúng:

Sao chú mày sống cẩu thả quá như vậy? Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng. Ngộ có kẻ nào phá thì thật chú chết ngay đuôi! Này thử xem: khi chú chui vào tổ, lưng chú phải lồm cồm đụng sát mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng viết chú đương đi đứng chỗ nào trong tổ.

Dế Mèn phiêu lưu ký – Tô Hoài

A. Câu hỏi dùng với mục đích khen ngợi
B. Câu hỏi dùng với mục đích nhờ cậy
C. Câu hỏi dùng với mục đích khẳng định
D. Câu hỏi dùng với mục đích chê trách

Câu 79: Đọc đoạn văn sau và cho biết trong đó có bao nhiêu câu kể bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập trước hàng triệu đồng bào. Lời của lãnh tụ điềm đạm, ấm áp, khúc chiết, rõ ràng; từng câu, từng tiếng đi vào lòng người.

Đọc đến nửa chừng, Bác dừng lại hỏi:

- Tôi nó, đồng bào nghe rõ không?

A. Có 5 câu kể
B. Có 4 câu kể
C. Có 3 câu kể
D. Có 2 câu kể

Câu 80: Những câu kể dưới đây miêu tả việc làm của nhân vật trong tranh. Em hãy quan sát bức tranh và khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

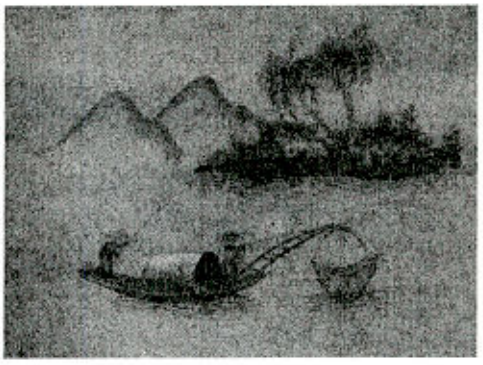

A. Ngư dân đang đánh bắt cá.
B. Người nông dân đang cho cá ăn.
C. Những nông dân đang chăm sóc mùa màng.
D. Mọi người đang tham gia lao động sản xuất.

**** Chủ điểm: Người ta là hoa đất***

Câu 81: Đọc câu dưới đây và khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời nêu loại câu và xác định đúng vị ngữ (VN) của câu:

Đằng đông, phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ngăn không cho thấy biển khơi, ai đã ném lên bốn năm mảng mây hồng to tướng, lại điểm xuyến thêm ít nét mây mỡ gà vút dài thanh mãnh.

A. Câu kể

VN: *đã ném lên bốn năm mảng mây hông to tướng*

B. Câu kể *Ai làm gì?*

VN: *đã ném lên bốn năm mảng mây hông to tướng, lại điểm xuyến thêm ít nét mây mỡ gà vút dài thanh mãnh*

C. Câu kể

VN: *ai đã ném lên bốn năm mảng mây hông to tướng, lại điểm xuyến thêm ít nét mây mỡ gà vút dài thanh mãnh*

D. Câu kể *Ai làm gì?*

VN: *đằng đông, phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ngăn không cho thấy biển khơi*

Câu 82: Em hãy quan sát bức hình dưới đây và lựa chọn câu kể *Ai thế nào?* miêu tả đúng sự việc có trong hình bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu đúng:

A. Môi trường ngày càng trong sạch hơn.

B. Người dân đang cố gắng bảo vệ môi trường.

C. Môi trường càng ngày càng bị ô nhiễm nặng.

D. Người dân đang làm ô nhiễm môi trường.

**** Chủ điểm: Vẻ đẹp muôn màu***

Câu 83: Cô giáo yêu cầu học sinh viết thêm phần vị ngữ cho các câu kể *Ai thế nào?*. Em hãy chọn ra câu đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

A. Những lá ngô ***rộng dài, trổ ra mạnh mẽ, nõn nà.***

B. Trời ***bắt đầu mưa.***

C. Các bạn nhỏ ***thường xuyên đến thăm nom và giúp đỡ bà.***

D. Những con ngan mới nở ***đang đi trong sân.***

E. Tên chúa tàu ấy ***cầm trên tay những chiến lợi phẩm vừa thu được.***

Câu 84: Cho các câu sau:

- Trên quãng đồng rộng, cơn gió nhẹ hiu hiu đưa lại, thoang thoảng những hương thơm ngát.

- Các tàu lá dừa màu xanh thẫm, to và xòe ra mọi phía.

- Hoa nhỏ bé, lấm tấm mấy chấm đen nở từng chùm, đu đưa như đưa võng mỗi khi có gió.

- Buổi chiều ở làng ven sông yên tĩnh một cách lạ lùng.

Em hãy cho biết trong những câu trên có bao nhiêu câu kể Ai làm gì? và bao nhiêu câu kể Ai thế nào? bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng.

A. Có 1 câu kể *Ai làm gì?* và 3 câu kể *Ai thế nào?*

B. Có 3 câu kể *Ai làm gì?* và 1 câu kể *Ai thế nào?*

C. Có 0 câu kể *Ai làm gì?* và 4 câu kể *Ai thế nào?*

D. Có 4 câu kể *Ai làm gì?* và 0 câu kể *Ai thế nào?*

Câu 85: Cô giáo yêu cầu học sinh thêm vị ngữ vào các câu đã có phần chủ ngữ cho trước để tạo thành câu kể *Ai thế nào?*. Dựa vào câu trả lời của các bạn học sinh, em hãy chọn ra câu trả lời đúng và khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

Hoa: Tí và Tèo *luôn chăm chỉ học hành.*

Hồng: Tí và Tèo *đang cùng nhau ôn bài.*

Hương: Tí và Tèo *là bạn thân của nhau.*

Lam: Tí và Tèo *thì cao bằng nhau.*

A. Hoa và Hồng trả lời đúng
B. Hương và Hồng trả lời đúng
C. Lam và Hồng trả lời đúng
D. Hoa và Lam trả lời đúng

Câu 86: Các câu dưới đây đã bị tách rời chủ ngữ và vị ngữ, em hãy lựa chọn cách sắp xếp hợp lí để có các câu kể *Ai thế nào?* hoàn chỉnh:

Chủ ngữ	*Vị ngữ*
1. Những bông hoa ấy	**a.** trơn như đổ mỡ.
2. Sau trận mưa,con đường ven làng	**b.** nóng bức đến khó chịu.
3. Mùa hè, không khí	**c.** đỏ thắm dưới ánh mặt trời.

A. 1 – a, 2 – b, 3 – c.
B. 1 – b, 2 – c, 3 – a.
C. 1 – c, 2 – a, 3 – b.

Câu 87: Tìm và khoanh tròn chữ cái in hoa đặt trước câu kể *Ai là gì?* trong những câu dưới đây:

A. Nam có phải là học sinh giỏi nhất của lớp bạn?
B. Thằng Thắng, con cá vược của thôn Bần và là địch thủ bơi lội đáng gớm nhất của bọn trẻ, lúc này đang ngồi trên chiếc thuyền đậu ở ngoài cùng.
C. Đây là dòng sông nhỏ đầy ắp tiếng cười của bon trẻ chúng em sau mỗi buổi chiều hè.
D. Các em hãy là những người con ngoan, trò giỏi để bố mẹ vui lòng.
E. Chú chim nhỏ bay là là bên bờ đê.

**** Chủ điểm: Những người quả cảm***

Câu 88: Khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu em cho là câu khiến:
A. Nam đi học.
B. Nam đi học rồi.
C. Mình cùng đi học nhé Nam!

D. Nam đã đi học chưa?

E. Nam lại đi học trễ nữa.

Câu 89: Trong giờ học, bút của Nam hết mực. Em hãy giúp bạn ấy lựa chọn 1 câu khiến phù hợp để mượn bút của bạn trong tình huống này bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng.

A. Cho tớ mượn một cây bút của cậu nhé!

B. Bút của mình hết mực rồi.

C. Cậu cho tớ mượn cây một bút có được không?

Câu 90: Đọc kĩ đoạn văn dưới đây:

Cô giáo bước vào lớp, mỉm cười:

- Lớp ta hôm nay sạch sẽ quá! Thật đáng khen! Nhưng các em có nhìn thấy mẩu giấy đang nằm ngay giữa cửa kia không?

- Có ạ! - Cả lớp đồng thanh đáp.

- Nào! Các em hãy lắng nghe và cho cô biết mẩu giấy đang nói gì nhé! – Cô giáo nói tiếp.

Cả lớp im lặng lắng nghe.

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

A. Đoạn văn trên có 5 câu khiến.

B. Đoạn văn trên có 3 câu khiến.

C. Đoạn văn trên có 1 câu khiến.

* * *
*

Qua quá trình nghiên cứu chúng tôi đã xây dựng được một hệ thống bài tập về câu trong phân môn LT&C lớp 4. Hệ thống bài tập gồm nhiều bài tập với nội dung liên quan đến các bài học về câu trong chương trình. Bài tập được xây dựng ở nhiều dạng trắc nghiệm khác nhau, tạo nên sự phong phú, đa dạng và khích thích hứng thú làm bài cho học sinh.

Chương 3. Thực nghiệm hệ thống bài tập TNKQ để dạy học câu trong phân môn LT&C ở lớp 4

3.1. Giai đoạn 1: Chuẩn bị thực nghiệm

3.1.1. Mục đích, nhiệm vụ và đối tượng thực nghiệm

3.1.1.1. Mục đích thực nghiệm

Dựa trên cơ sở đã nghiên cứu về lí luận và thực tiễn của vấn đề xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm để dạy học về câu trong phân môn Luyện từ và câu lớp 4 đã trình bày ở trên, chúng tôi tiến hành thực nghiệm tại trường tiểu học với mục đích giải quyết những vấn đề sau đây:

- Sử dụng các phiếu bài tập trắc nghiệm với các câu hỏi là được xây dựng dựa trên nội dung bài học liên quan để dạy – học trong tiết LT&C. Các phiếu bài tập được sử dụng gồm có: phiếu bài tập đánh giá sơ bộ, phiếu bài tập đánh giá định hướng và phiếu bài tập đánh giá kết quả.

- Đánh giá những ưu điểm của việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong tiết dạy qua các tiêu chí: khả năng tiếp thu và hiểu , bài của học sinh, sự hứng thú trong giờ học, sự khách quan và chính xác trong đánh giá.

- Có được nhìn nhận vừa bao quát vừa cụ thể về vấn đề. Từ đó, rút ra những hiệu quả thực tế của việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học, có ý kiến đóng góp để nâng cao chất lượng dạy – học ở tiểu học hơn nữa.

3.1.1.2. Nhiệm vụ thực nghiệm

- Soạn và in đề bài tập trắc nghiệm khách quan trong tiết LT&C gồm ba loại: đánh giá sơ bộ, đánh giá định hướng và đánh giá kết quả trước, trong và sau khi dạy các bài: Câu khiến, Cách đặt câu khiến ở hai lớp: thực nghiệm và đối chứng.

- Phân tích từng loại bài tập trong mỗi phiếu bài tập trắc nghiệm và mối liên hệ về tri thức giữa các loại bài tập trắc nghiệm với nhau.

- Tiến hành cho học sinh làm bài tập.

- Đánh giá, tổng kết, rút ra những kết luận về vấn đề sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học về câu.

3.1.1.3. Đối tượng thực nghiệm

** Đặc điểm của nhà trường thực nghiệm:*

Trường tiểu học Ngô Quyền, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là nơi chúng tôi đã chọn để tiến hành thực nghiệm:

- Trường tiểu học Ngô Quyền tọa lạc tại khối phố Phú Trung, phường An Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Tháng 10 năm 2009 được tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I.

- Hiện nay trường có 18 lớp với 539 học sinh, 35 cán bộ, giáo viên. Cơ sở vật chất tương đối đầy đủ: 18 phòng học, 8 phòng làm việc. Năm học 2011 – 2012, phát huy kết quả đạt được, thầy và trò trường ra sức thi đua dạy tốt học tốt, nỗ lực phấn đấu xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực và chuẩn bị điều kiện để xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

** Lựa chọn lớp thực nghiệm:*

Đề tài của chúng tôi nghiên cứu trong phạm vi lớp 4, dựa vào những vấn đề đã nghiên cứu và thông qua những thông tin đã thu thập được qua việc xuống trường thăm lớp chúng tôi lựa chọn lớp thực nghiệm và lớp 4C và lớp đối chiếu là lớp 4D.

Cơ sở để lựa chọn lớp tực nghiệm và đối chiếu là như sau:

- Giáo viên chủ nhiệm của cả 2 lớp đều đã tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học và có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác giáo dục.

- Học sinh 2 lớp có số lượng bằng nhau: lớp 4C: 26 học sinh, lớp 4D: 26 học sinh. Thông qua kết quả học tập ở học kỳ 1 do giáo viên 2 lớp cung cấp thì chúng tôi nhận thấy học sinh 2 lớp có trình độ khá đồng đều.

3.1.2. Lựa chọn và xây dựng phiếu bài tập trắc nghiệm khách quan

3.1.2.1. Phiếu bài tập trắc nghiệm đánh giá sơ bộ

3.1.2.1.1. Mục đích

Phiếu bài tập trắc nghiệm đánh giá sơ bộ được xây dựng với mục đích đánh giá trình độ nhận thức của học sinh trong thời điểm hiện tại. Để dựa vào đó có cơ sở dạy – học nội dung bài tiếp theo cho hợp lí (phù hợp khả năng học sinh).

Trước khi dạy bài Câu khiến, tôi đã nghiên cứu và tiến hành xây dựng phiếu bài tập trắc nghiệm khách quan để đánh giá sơ bộ trình độ học sinh về các nội dung: các kiểu câu đã học (Câu kể Ai làm gì?, câu kể Ai thế nào?, câu kể Ai là gì?), các dấu câu và cách sử dụng dấu câu, xác định các thành phần chủ ngữ và vị

ngữ trong câu. Đây là những kiến thức cơ bản đã học, là nền tảng giúp các em tiếp thu kiến thức mới về câu khiến.

3.1.2.1.2. Bài tập

Bài 1: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu kể ***Ai là gì?***

A. Nam là bạn tốt nhất của tôi.

B. Mùa xuân đến cây trong vườn đều đâm chồi, nảy lộc.

C. Ông làm cho bé Mi một chiếc diều thật đẹp.

D. Đêm qua, mưa to làm đường trở nên lầy lội.

- *Mục đích:* Kiểm tra tri thức hiện có của học sinh về câu kể Ai là gì?

- *Kĩ thuật:* Các câu đã cho đều là những câu có nghĩa, những mỗi câu thuộc một loại câu khác nhau. Học sinh sử dụng kiến thức đã học về câu kể Ai là gì? để xác định và lựa chọn câu chính xác nhất.

Bài 2: Trắc nghiệm điền khuyết

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống: (, . ? : ! -)

Bà đi chợ về, vào đến sân nhà, bà gọi to

□Bống ơ... ơi! Cái Bống đâu rồi!

Bống đang chơi với các bạn bên hàng xóm, nghe tiếng bà gọi, nó ù té chạy về nhà:

- Bà ơi, bà mua quà gì cho cháu đấy□

- Mày hư lắm□chẳng trông nhà cho bà để gà nó vào bới tung cả bếp. Bà giận bà chẳng cho quà đâu.

Bống nhìn cái thúng đậy vỉ buồm. Chắc là trong ấy có cái bánh đa đường... Bống cái vỉ buồm động đậy□ Ngheo... Bống mở tròn mắt... Ngheo...

- A□Con mèo, con mèo! Bà ơi, bà cho cháu nhá!

Cái tết của mèo con – Nguyễn Đình Thi

- *Mục đích*: Kiểm tra hiểu biết của học sinh về các dấu câu (, . ? : ! -).

- *Kĩ thuật*: Sử dụng đoạn văn ngắn để kiểm tra. Số lượng dấu câu đã cho nhiều hơn số lượng ô trống. Học sinh lựa chọn dấu câu phù hợp cho dấu câu và điền vào chỗ trống có sẵn để hoàn chỉnh đoạn văn.

Bài 3: Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi

Nối kiểu câu ở cột A với câu thích hợp ở cột B:

A	B
Câu kể Ai là gì?	Minh đang giúp mẹ thái rau cho lợn.
Câu hỏi	Hoa phượng nở đỏ rực trên sân trường.
Câu kể Ai thế nào?	Vì sao hôm nay em đi học trễ?
Câu kể Ai làm gì?	Áo dài là trang phục truyền thống của người Việt Nam

- *Mục đích:* Kiểm tra hiểu biết của các em về các loại câu đã học trong chương trình. Các kiểu câu nằm ở cột A, các câu tương ứng đặt trong cột B có số lượng bằng nhau. Học sinh đọc câu ở cột B và lựa chọn kiểu câu phù hợp ở cột A để nối lại với nhau.

- *Kĩ thuật:* Cột A chứa loại câu, cột B chứa các câu. Học sinh lựa chọn câu phù hợp với kiểu câu để nối lại.

Bài 4: Trắc nghiệm đúng – sai

Ghi Đ (Đúng) hoặc S (Sai) vào ô trống để xác định chủ ngữ (C) và vị ngữ (V) trong các câu sau:

a) Bạn ấy // là học sinh giỏi của lớp ☐

C V

b) Những ngọn núi // đang ẩn mình trong mây trắng ☐

V C

- *Mục đích*: Kiểm tra hiểu biết của học sinh về thành phần chủ ngữ và vị ngữ trong câu.

- *Kĩ thuật:* Các câu đã được xác định thành phần câu, học sinh đọc câu và kiểm tra câu đó có được xác định đúng thành phần chủ ngữ, vị ngữ hay không.

Bài 5: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Đọc đoạn văn sau:

Cô Mùa Xuân xinh tươi đang lướt nhẹ trên cánh đồng. Đó là một cô gái dịu dàng, tươi tắn, ăn mặc giống y cô Tấm trong đêm hội thử tài thuở nào. Cô mặc

yếm thắm, một bộ áo mớ ba màu hoàng yến, chiếc quần nhiễu điều, thắt lưng màu hoa hiên. Tay cô ngoắc một chiếc lẵng đầy màu sắc rực rỡ. Cô lướt đi trên cánh đồng, người nhẹ bổng nghiêng nghiêng về phía trước.

Đoạn văn trên có bao nhiêu câu kể?

.....

- *Mục đích*: Kiểm tra khả năng nhận biết số lượng câu kể trong đoạn văn cho trước.

- *Kĩ thuật:* Cho một đoạn văn, học sinh đọc và xác định số lượng câu kể có trong đoạn văn.

3.1.2.2. Phiếu bài tập 1

3.1.2.2.1. Mục đích

- Kiểm tra khả năng tiếp thu bài mới của học sinh trong khi học bài Câu khiến. Đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh về các phần: hiểu định nghĩa câu khiến, dấu hiệu nhận biết và phân biệt câu khiến.

- Từ đó rút ra những kiến thức cơ bản để tiếp tục bồi đắp cho học sinh để học tốt bài tiếp theo: Cách đặt câu khiến.

3.1.2.2.2. Bài tập

Bài 1: Trắc nghiệm điền khuyết

Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

Khi viết, cuối câu khiến có ..... hoặc dấu chấm.

- *Mục đích*: Gợi nhớ và khắc sâu kiến thức về dấu hiệu nhận biết và phân biệt câu khiến cho học sinh.

- *Kĩ thuật*: Phát biểu này là một phần trong nội dung ghi nhớ về câu khiến, học sinh nhớ kiến thức và điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu.

Bài 2: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu em cho là câu khiến:

A. Nam đi học.

B. Nam đi học rồi.

C. Mình cùng đi học nhé Nam!

D. Nam đã đi học chưa?

E. Nam lại đi học trễ nữa.

- *Mục đích*: Kiểm tra khả năng nhận diện câu khiến của học sinh.

- *Kĩ thuật*: Đưa ra nhiều câu bao gồm cả câu khiến và câu khác. Học sinh đọc kĩ các câu và tìm ra những câu là câu khiến.

Bài 3: Trắc nghiệm dối chiếu cặp đôi

Em hãy nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp để tạo thành câu khiến:

A	B
Học sinh phải	khi tham gia giao thông!
Em đang bị đau	phải giữ trật tự.
Không được vượt đèn đỏ	làm bài và chép bài đầy đủ.
Trong thư viện, mọi người	cần phải đến gặp bác sĩ ngay.

- *Mục đích:* Xác định khả năng kết hợp các bộ phận riêng lẽ tạo thành một câu hoàn chỉnh của học sinh.

- *Kĩ thuật*: Xây dựng câu hỏi gồm 2 cột: cột A chứa chủ ngữ, cột B chứa vị ngữ. Học sinh đọc 2 cột để tìm những ý có liên quan với nhau và nối lại tạo thành câu khiến có nghĩa.

Bài 4: Trắc nghiệm đúng – sai

Đọc câu sau: *Hãy nói cho ta biết vì sao cháu cười được!*

Hãy điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào các ô trống câu trả lời dưới đây

a) ☐ Câu trên là câu khiến

b) ☐ Câu trên không phải là câu khiến.

- *Mục đích:* Nhận xét khả năng nhận biết câu khiến của học sinh.

- *Kĩ thuật:* Đưa ra một câu và yêu cầu học sinh nhận xét đây có phải là câu khiến hay không bằng cách điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống trước mỗi câu trả lời.

Bài 5: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu khiến (câu cầu khiến) được dùng để làm gì?

.....

.....

- *Mục đích:* Kiểm tra hiểu biết của học sinh về tác dụng của câu khiến.

- *Kĩ thuật:* Hỏi về nội dung có trong phát biểu của phần ghi nhớ của bài Câu khiến.

3.1.2.3. Phiếu bài tập 2

3.1.2.3.1. Mục đích

- Nhận xét, đánh giá việc học sinh tiếp thu tri thức như thế nào trong bài Cách đặt câu khiến, cụ thể là về: Cách thêm từ ngữ vào trước động từ, vào cuối câu hoặc vào đầu câu để tạo thành câu khiến.

3.1.2.3.2. Bài tập

Bài 1: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Trong giờ học, bút của Nam hết mực. Em hãy giúp bạn ấy lựa chọn 1 câu khiến phù hợp để mượn bút của bạn trong tình huống này bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng.

A. Cho tớ mượn một cây bút của cậu nhé!

B. Bút của mình hết mực rồi.

C. Cậu cho tớ mượn cây một bút có được không?

- *Mục đích:* Kiểm tra sự lựa chọn của học sinh để nói một câu khiến phù hợp với hoàn cảnh đề ra.

- *Kĩ thuật:* Đề ra một tình huống và giao học sinh nhiệm vụ dùng câu khiến để giải quyết vấn đề được nêu ra trong tình huống đó. Học sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các câu trong bài và khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt ở đầu câu.

Bài 2: Trắc nghiệm điền khuyết

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu khiến dưới đây:

đừng, phải, nào, đề nghị, đi.

a) Mọi người tiếp tục làm việc .....

b) Khi làm lễ chào cờ mọi người đều ..... đứng nghiêm trang.

c) ..... các bạn yên lặng.

d) Đã có hiệu lệnh, các em ra sân tập thể dục ..... !

e) ..... quên tắt điện khi ra khỏi phòng.

f) ..... thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

- *Mục đích:* Kiểm tra khả năng lựa chọn từ ngữ thích hợp điền vào đầu câu, cuối câu hoặc trước động từ để tạo thành câu khiến hợp lí của học sinh.

- *Kĩ thuật:* Số từ cho trước ít hơn số chỗ trống (có từ được sử dụng hai lần), học sinh phải lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống tạo thành câu khiến có nghĩa.

Bài 3: Trắc nghiệm đúng – sai

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống đặt trước mỗi câu:

Muốn đặt câu cầu khiến ta có thể:

☐ Thêm từ **lên** hoặc **đi, thôi, nào**,... vào cuối câu.

☐ Thêm từ **đề nghị** hoặc **xin, mong**,... vào cuối câu.

- *Mục đích:* Kiểm tra khả năng ghi nhớ và lựa chọn các từ để thêm vào cuối câu để tạo thành câu khiến.

- *Kĩ thuật:* Đưa ra hai phát biểu trái nghịch nhau về các từ có thể thêm vào cuối câu để tạo thành câu khiến. Học sinh nhận xét mỗi câu bằng cách điền Đ hoặc S vào ô trống.

Bài 4: Em hãy cho biết muốn đặt câu khiến ta có thể thêm những từ gì vào trước động từ?

.....

- *Mục đích:* Kiểm tra khả năng ghi nhớ nội dung bài học của học sinh.

- *Kĩ thuật:* Đề ra câu hỏi có liên quan đến câu khiến cho học sinh trả lời. Nội dung câu hỏi gắn với nội dung phần ghi nhớ của bài Cách đặt câu khiến.

Bài 5: Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi

Nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho tạo thành câu khiến:

A	B
Học sinh đi học	vào đây khi chưa được phép.
Không ai được	phải mặc đúng đồng phục
	phải nói chuyện trong giờ học.

- *Mục đích:* Đánh giá khả năng lựa chọn các bộ phận tách rời để nối lại tạo thành câu khiến hoàn chỉnh của học sinh.

- *Kĩ thuật:* Tạo hai cột, mỗi cột chứa một bộ phận câu (cột A: chủ ngữ, cột B: vị ngữ). Số lượng chủ ngữ ít hơn vị ngữ nên học sinh phải lựa chọn giữa các phương án khác nhau để tạo thành câu khiến hợp lí nhất.

3.1.2.4. Phiếu bài tập trắc nghiệm đánh giá kết quả

3.1.2.4.1. Mục đích

- Đánh giá nhận thức của học sinh sau hai tiết.

- Hệ thống hóa kiến thức các em đã học trong hai tiết, gồm:

+ Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn... của người nói, người viết với người khác.

+ Muốn đặt câu khiến có thể thêm từ hãy hoặc đừng, chớ, nên, phải... vào trước động từ. Thêm từ lên hoặc đi, thôi, nào... vào cuối câu. Thêm từ đề nghị hoặc xin, mong... vào đầu câu.

3.1.2.4.2. Bài tập

Bài 1: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Đọc kĩ đoạn văn dưới đây:

Cô giáo bước vào lớp, mỉm cười:

- Lớp ta hôm nay sạch sẽ quá! Thật đáng khen! Nhưng các em có nhìn thấy mẩu giấy đang nằm ngay giữa cửa kia không?

- Có ạ! - Cả lớp đồng thanh đáp.

- Nào! Các em hãy lắng nghe và cho cô biết mẩu giấy đang nói gì nhé! – Cô giáo nói tiếp.

Cả lớp im lặng lắng nghe.

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

A. Đoạn văn trên có 5 câu khiến.

B. Đoạn văn trên có 3 câu khiến.

C. Đoạn văn trên có 1 câu khiến.

- *Mục đích:* Kiểm tra khả năng nhận biết của học sinh để tìm ra câu khiến khi có nhiều câu có dấu chấm than ở cuối câu (dấu chấm than đặt ở cuối câu là dấu hiệu nhận biết câu khiến)

- *Kĩ thuật:* Cho một đoạn văn, yêu cầu học sinh tìm ra số câu khiến có trong đoạn văn khi mà trong đó có nhiều câu gần giống câu khiến. Học sinh lựa chọn câu trả lời đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu đó.

Bài 2: Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi

Nối các vế ở cột A với các vế ở cột B để được câu khiến:

Cột A	**Cột B**
Trẻ em cần phải có	vứt rác bừa bãi.
Mọi thành viên trong lớp	trước khi ăn nhé em!
Em tìm giúp chị	người lớn đi kèm khi qua đường.
Chúng ta không nên	đều phải tham gia cuộc thi này.
Hãy rửa sạch tay	chiếc bút màu xanh với.

- *Mục đích:* Khắc sâu cho học sinh cách hình thành câu khiến thông qua việc tìm và nối hai bộ phận câu phù hợp với nhau.

- *Kĩ thuật:* Học sinh đọc và nối chủ ngữ ở cột A với vị ngữ ở cột B để tạo thành câu khiến có nghĩa (số lượng chủ ngữ và vị ngữ bằng nhau).

Bài 3: Trắc nghiệm đúng – sai

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống trước mỗi câu sau:

a) ☐ Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn... của người nói, người viết với người khác.

b) ☐ Muốn đặt câu khiến có thể thêm từ ***hãy, đừng, chớ, nên, phải***... vào trước động từ.

- *Mục đích:* Khắc sâu kiến thức về định nghĩa câu khiến và cách đặt cho học sinh.

- *Kĩ thuật:* Nêu phát biểu về câu khiến và cách đặt câu khiến để học sinh lựa chọn đánh giá phát biểu đó là đúng (Đ) hay sai (S).

Bài 4: Trắc nghiệm điền khuyết

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu khiến:

hãy, chớ, nào.

a) Nam ơi, ra đây giúp mẹ xách đồ vào nhà .....!

b) Nếu không có gì thay đổi thì mọi người ..... tiếp tục hành động theo kế hoạch.

- *Mục đích*: Kiểm tra khả năng xác định và lựa chọn từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu khiến đã cho.

- *Kĩ thuật*: Có ba từ cho sẵn nhưng chỉ có hai chỗ trống, học sinh sẽ phải lựa chọn hai trong ba từ để điền vào chỗ trống tạo thành câu khiến hợp lí.

Bài 5: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Ngoài dấu chấm, cuối câu khiến có thể đặt dấu câu gì?

.....

- *Mục đích:* Kiểm tra lại kiến thức về dấu câu được sử dụng trong câu khiến.

- *Kĩ thuật:* Đặt câu hỏi về dấu câu được dùng trong câu khiến cho học sinh trả lời.

3.2. Giai đoạn 2: Tiến hành thực nghiệm

3.2.1. Bước 1: Kiểm tra bằng phiếu bài tập trắc nghiệm đánh giá sơ bộ

Chúng tôi thực hiện bước này ở cả hai lớp 4C và 4D để có sự đánh giá rõ hơn về trình độ hiện tại của học sinh mỗi lớp, làm nền tảng để xây dựng phiếu bài tập đánh giá định hướng 1.

Thời gian làm bài: 10 phút.

Để tìm hiểu năng lực hiện tại của học sinh trong phân môn LT&C chúng tôi tiến hành kiểm tra học sinh về các mặt kiến thức: Các loại câu kể: câu kể Ai làm gì?, câu kể Ai thế nào?, câu kể Ai là gì?; các dấu câu; các bộ phận chính trong câu. Đây là những kiến thức căn bản mà học sinh đã có thời gian tìm hiểu trong những tiết học trước. Thông qua phiếu bài tập, chúng tôi có thể biết khả năng cũng như kiến thức học sinh có nắm vững hay chưa.

Qua tiết thực nghiệm, chúng tôi nhận thấy đa số học sinh hai lớp đều nắm vững kiến thức đã học về câu. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn có một số lưu ý ở từng bài tập như sau:

Bài 1: Tất cả học sinh làm đúng bài tập này. Các em đều biết xác định câu kể Ai là gì? dựa vào cách đặt câu hỏi *Là gì?* cho bộ phận chủ ngữ của câu.

Bài 2: Một số học sinh nhầm lẫn khi sử dụng dấu hai chấm, dấu hỏi và dấu phẩy. Các em này đặt dấu phẩy ở vị trí của dấu hai chấm, dấu chấm than ở vị trí của dấu hỏi.

Bài 3: Một số học sinh nối sai ở câu kể Ai thế nào?, câu hỏi và câu kể Ai làm gì?. Các em nối nhầm câu kể Ai thế nào? với câu hỏi và nhầm câu kể Ai làm gì? với câu kể Ai thế nào?.

Bài 4: Ở câu này đa số học sinh đều làm đúng. Tuy nhiên một số em nhầm lẫn chủ ngữ thành vị ngữ và ngược lại.

Bài 5: Tất cả học sinh đều xác định đúng số lượng câu kể có trong đoạn văn.

Như vậy, để học sinh có thể nắm vững kiến thức hơn nữa giáo viên cần củng cố kiến thức về cách sử dụng dấu câu, về cách phân biệt các loại câu kể và dấu hiệu nhận biết câu hỏi cùng với việc xác định các thành phần chính của câu.

3.2.2. Bước 2: Kiểm tra bằng phiếu bài tập 1

Ở bước này, chúng tôi chỉ tiến hành thực nghiệm tại lớp 4C để củng cố và kiểm tra kiến thức của học sinh đối với nội dung bài Câu khiến vừa học. Học sinh

không còn lạ lẫm với cách làm bài trắc nghiệm khách quan và đã được cung cấp kiến thức đầy đủ về câu khiến trong giờ học nên làm bài đã có kết quả tốt hơn. Nhưng cũng như ở phiếu bài tập trước, ở lần này một số học sinh vẫn mắc phải lỗi trong từng bài như sau:

Thời gian làm bài: 10 phút.

Bài 1: Ở bài tập này đề yêu cầu điền tên dấu câu được đặt ở cuối câu khiến (đề đã cho dấu chấm). Học sinh cần điền vào chỗ trống là dấu chấm than nhưng một số em lại viết thành dấu "than chấm", có em lại viết là dấu chấm hỏi.

Bài 2: Đối với bài tập này, đa số học sinh đều đã làm đúng.

Bài 3: Đối với bài tập này chỉ có một học sinh nhầm lẫn khi nối câu như sau: Ở câu "Không được vượt đèn đỏ khi tham gia giao thông!" em nối thành " Không được vượt đèn đỏ phải giữ trật tự" và câu "Trong thư viện, mọi người phải giữ trật tự" em nối thành "Trong thư viện, mọi người khi tham gia giao thông!"

Bài 4: Đối với câu "Hãy nói cho ta biết vì sao cháu cười được!" có một số học sinh cho rằng đây không phải là câu khiến. Có thể vì trong câu có cụm từ "vì sao" nên các em băn khoăn khi xác định loại câu.

Bài 5: Đa số học sinh đều làm đúng câu này. Tuy nhiên một số em viết trả lời câu không đầy đủ, các em chỉ nêu: *"Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn"* mà không nói đó là câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn *"của người nói với người khác"*.

Như vậy, đối với bài Câu khiến, giáo viên cần lưu ý học sinh ghi nhớ tên gọi dấu câu có ở câu khiến là dấu chấm than. Bên cạnh đó cũng nên phân biệt lại cho học sinh nắm rõ câu hỏi và câu khiến có sự khác nhau như thế nào.

3.2.3. Bước 3: Kiểm tra bằng phiếu bài tập 2

Cũng như ở bước 2 thì bước này chỉ được tiến hành ở lớp 4C. Mục đích là khắc sâu kiến thức về cách đặt câu khiến và kiểm tra mức độ tiếp thu bài giảng của học sinh.

Thời gian làm bài: 10 phút

So với phiếu bài tập trước, lần này học sinh đã có một số tiến bộ. Nhưng vẫn còn lại một số học sinh gặp phải khó khăn trong các bài tập. Giáo viên cần lưu ý những kiến thức cụ thể sau:

Bài 1: Tất cả học sinh trong lớp đều đã có sự lựa chọn chính xác trong bài tập này, đưa ra câu nói phù hợp với tình huống đặt ra: Mượn bút của bạn khi bút của mình hết mực.

Bài 2: Đối với bài tập này, do số lượng từ cần điền nhiều và số từ cho sẵn với số chỗ trống không trùng khớp nên các em có phần lúng túng. Một vài học sinh điền sai ở câu "Đề nghị các bạn yên lặng" thành "Nào các bạn yên lặng".

Bài 3: Bài tập này nhắc lại kiến thức trong phần ghi nhớ nên hầu hết học sinh đều làm được. Nhưng có hai học sinh đã xác đinh sai và cho rằng cần phải đặt các từ: đề nghị, yêu cầu... ở cuối câu.

Bài 4: Một số học sinh khi làm bài tập này có sự nhầm lẫn giữa các từ cần thêm vào trước động từ: hãy, đừng, chớ, nên, phải... với các từ thêm vào đầu câu: đề nghị, xin, mong...

Bài 5: Đối với bài tập này, do có ba vị ngữ trong khi chỉ có hai chủ ngữ nên vài em đã nối một chủ ngữ với hai vị ngữ. Đây là do chưa nắm vững yêu cầu của đề và cách làm bài tập trắc nghiệm dạng đối chiếu cặp đôi có số ý ở các cột không tương xứng.

Qua những ý kiến đã nêu, chúng tôi thấy giáo viên cần phải nhắc lại kiến thức cho học sinh kĩ hơn đồng thời đưa ra nhiều ví dụ phong phú để học sinh không nhầm lẫn trong quá trình làm bài.

3.2.4. Bước 4: Kiểm tra bằng phiếu bài tập trắc nghiệm đánh giá kết quả

Bước này chúng tôi tiến hành thực hiện ở cả hai lớp 4C và 4D để có cái nhìn tổng quát về mức độ tiếp thu kiến thức cũng như khả năng làm bài của hai lớp sau thời gian thực nghiệm.

Thời gian làm bài: 10 phút.

Với mục đích khái quát hóa nội dung kiến thức các bài học đồng thời đánh giá kết quả tiếp thu bài học của học sinh sau hai tiết Câu khiến và Cách đặt câu khiến chúng tôi tiến hành thực nghiệm phiếu đánh giá kết quả. Và chúng tôi rút ra một số lưu ý trong từng bài tập như sau:

Bài 1: Đề bài cho một đoạn văn và xác định số câu khiến trong đoạn nhưng do có nhiều câu có dấu chấm than đặt cuối câu nên ở câu này học sinh lớp đối chứng đều làm sai trong khi lớp thực nghiệm có nhiều em làm đúng.

Bài 2: Tất cả học sinh đều làm đúng bài tập này.

Bài 3: Chỉ có một học sinh ở lớp đối chứng làm sai ý a) trong câu này. Em đã đưa ra câu trả lời là S (sai) đối với phát biểu: "Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn... của người nói, người viết với người khác.

Bài 4: Tất cả học sinh đều làm đúng bài tập này.

Bài 5: Đa số học sinh đều đã làm đúng, những em có sự nhầm lẫn khi viết dấu chấm than thành dấu than chấm ở phiếu bài tập đánh giá định hướng 1 cũng đã làm đúng bài tập này.

Qua đây, chúng tôi cho rằng giáo viên cần củng cố, bổ sung thêm kiến thức cho học sinh nắm vững đặc điểm của câu khiến và phân biệt câu khiến với các loại câu khác.

3.3. Giai đoạn 3: Đánh giá kết quả thực nghiệm

3.3.1. Kết quả đánh giá bước 1 (phiếu bài tập trắc nghiệm đánh giá sơ bộ)

Chúng tôi đã tiến hành chấm bài, tổng kết điểm và so sánh kết quả học tập của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng với kết quả như sau:

K_{TN} – 4C: Kết quả thực nghiệm lớp 4C

K_{TN} – 4D: Kết quả thực nghiệm lớp 4D

Bảng 6 : Kết quả kiểm tra bằng phiếu bài tập đánh giá sơ bộ lớp thực nghiệm và lớp đối chứng:

Phân loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Số lượng	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*
K_{TN} – 4C (26 học sinh)	12	46,2	8	30,7	6	23,1	0	0
K_{TN} – 4D (26 học sinh)	14	53,8	9	34,7	3	11,5	0	0

Qua bảng số liệu trên ta có thể rút ra nhận xét như sau:

- Lớp thực nghiệm 4C: có 12/26 học sinh giỏi (chiếm 46,2%), 8/26 học sinh khá (chiếm 30,7%), 6/26 học sinh trung bình (chiếm 23,1%)

- Lớp đối chứng 4D: có 14/26 học sinh giỏi (chiếm 53,9%), 9/26 học sinh khá (chiếm 34,6%), 3/26 học sinh trung bình (chiếm 11,5%)

- So sánh tỉ lệ học sinh đạt điểm giỏi, khá, trung bình của hai lớp, chúng tôi nhận thấy lớp thực nghiệm và đối chứng có số học sinh giỏi tương đương nhau, tỉ lệ học sinh khá của lớp đối chứng và của lớp thực nghiệm cũng gần bằng nhau, tuy nhiên số học sinh trung bình của lớp thực nghiệm lại gấp 2 lần của lớp đối chứng.

3.3.2. Kết quả đánh giá bước 2 (phiếu bài tập 1)

Với kết quả có được từ phiếu bài tập đánh giá sơ bộ, chúng tôi đã tiến hành xây dựng giáo án và bài tập trắc nghiệm khách quan để tiến hành đánh giá định hướng lần 1. Sau đó, chúng tôi đã tiến hành chấm bài và thống kê kết quả làm bài của học sinh để so sánh với kết quả của phiếu đánh giá sơ bộ. Kết quả thu được như sau:

PBTĐG sơ bộ: Phiếu bài tập đánh giá sơ bộ

PBTĐG định hướng 1: Phiếu bài tập đánh giá định hướng 1

Bảng 7: So sánh kết quả phiếu bài tập đánh giá sơ bộ và phiếu bài tập định hướng 1 của lớp thực nghiệm

Phân loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Số lượng	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*
K_{TN} – 4C (PBTĐG sơ bộ)	12	46,2	8	30,7	6	23,1	0	0
K_{TN} – 4C (PBTĐG định hướng 1)	14	53,8	7	27	5	19,2	0	0

Kết quả của phiếu đánh giá định hướng cho thấy, học lực của lớp có tăng nhưng rất ít. Cụ thể là số lượng học sinh giỏi tăng 7,6%, số lượng học sinh khá giảm 3,7% em và số học sinh trung bình đã giảm 1 em tương đương với 3,7%. Tuy có sự thay đổi và tăng số lượng học sinh khá, giỏi lên nhưng số lượng tăng là quá ít. Do đó, chúng tôi tiếp tục có những kế hoạch xây dựng bài giảng và hệ thống bài tập phù hợp hơn để nâng cao chất lượng học sinh.

3.3.3. Kết quả đánh giá bước 3 (phiếu bài tập 2)

Để phát huy hơn nữa khả năng làm bài trắc nghiệm khách quan của học sinh, đồng thời nâng cao chất lượng học tập của các em, chúng tôi tiến hành xây dựng phiếu bài tập đánh giá định hướng 2.

PBTĐG định hướng 1: Phiếu bài tập đánh giá định hướng 1

PBTĐG định hướng 2: Phiếu bài tập đánh giá định hướng 2

Bảng 8: So sánh kết quả của phiếu bài tập đánh giá định hướng 1 và phiếu bài tập đánh giá định hướng 2 của lớp thực nghiệm

Phân loại / Lớp	**Giỏi**		**Khá**		**Trung bình**		**Yếu**	
	Số lượng	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*
K_{TN} – 4C (PBTĐG định hướng 1)	14	53,8	7	27	5	19,2	0	0
K_{TN} – 4C (PBTĐG định hướng 2)	19	73,1	6	23,1	1	3,8	0	0

Kết quả của phiếu đánh giá định hướng 2 tốt hơn so với phiếu trước. Tỉ lệ học sinh giỏi tăng nhiều hơn trước là 17,5%, tỉ lệ học sinh khá giữ mức tương đối so với lần 1 và đặc biệt là tỉ lệ học sinh trung bình của lớp thực nghiệm đã giảm đáng kể (giảm 15,4% so với lần 1, và giảm 19,3% so với kết quả đánh giá sơ bộ. Kết quả này cho thấy, đã có sự tiến bộ về sự tiếp thu bài và khả năng làm bài tập trắc nghiệm khách quan của học sinh lớp thực nghiệm.

3.3.4. Kết quả đánh giá bước 4 (phiếu bài tập trắc nghiệm đánh giá kết quả)

Để đánh giá kết quả của học sinh sau khi tiến hành thực nghiệm, chúng tôi xây dựng phiếu bài tập đánh giá kết quả với nội dung nằm trong các bài bài đã thực nghiệm. Từ phiếu bài tập trắc nghiệm được xây dựng chúng tôi đã tổ chức cho học sinh làm bài và rút ra nhận xét như sau:

PBTĐG sơ bộ: Phiếu bài tập đánh giá sơ bộ

PBTĐG kết quả: Phiếu bài tập đánh giá kết quả

Bảng 9: So sánh kết quả giữa phiếu bài tập đánh giá sơ bộ và phiếu bài tập đánh giá kết quả

Phân loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Số lượng	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*
K_{TN} – 4C (PBTĐG sơ bộ)	12	46,2	8	30,7	6	23,1	0	0
K_{TN} – 4C (PBTĐG kết quả)	19	73,1	7	26,9	0	0	0	0

Từ bảng trên, chúng ta dễ dàng nhận thấy những biến chuyển của chất lượng học sinh trước và sau khi học bài mới có sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan.

- Số lượng học sinh giỏi tăng 7 em, tăng 26,9%.
- Số lượng học sinh khá giữ ở mức tương đương, chỉ giảm 1 học sinh (3,8%) so với lúc đầu.
- Số lượng học sinh trung bình giảm đáng kể, từ 6 học sinh trung bình lúc đầu giảm đến không còn học sinh trung bình nữa.

Qua đó, chúng ta thấy được sự nâng cao chất lượng học tập của học sinh và chất lượng giảng dạy của giáo viên khi sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan.

Tuy ở lớp thực nghiệm kết quả là như vậy nhưng tại lớp đối chứng thì lại có kết quả khác.

Bảng 10: So sánh kết quả phiếu đánh giá sơ bộ và phiếu đánh giá kết quả của lớp đối chứng

Phân loại / Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Số lượng	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*
K_{TN} – 4D (PBTĐG sơ bộ)	14	53,8	9	34,7	3	11,5	0	0
K_{TN} – 4D (PBTĐG kết quả)	15	57,7	7	26,9	4	15,4	0	0

Dựa vào kết quả tìm được, chúng tôi nhận thấy chất lượng của hoc sinh lớp đối chứng không có sự thay đổi lớn so với lúc đầu.

- Số lượng học sinh giỏi tăng 1 học sinh, tăng 3,8%.
- Số lượng học sinh khá giảm 2 học sinh, giảm 7,8%.
- Số lượng học sinh trung bình tăng 1 học sinh, tăng 3,8%.

Điều này cho thấy, khi chỉ sử dụng một dạng bài tập tự luận trong dạy – học thì chất lượng học sinh sẽ ít có sự phát triển so với việc có sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan.

Để hoàn thành quá trình thực nghiệm, chúng tôi tiến hành so sánh kết quả giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng qua phiếu đánh giá kết quả.

Bảng 11: So sánh phiếu đánh giá kết quả của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Phân loại / Lớp	**Giỏi**		**Khá**		**Trung bình**		**Yếu**	
	Số lượng	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*
K_{TN} – 4C (PBTĐG kết quả)	19	73,1	7	26,9	0	0	0	0
K_{TN} – 4D (PBTĐG kết quả)	15	57,7	7	26,9	4	15,4	0	0

Trước khi tiến hành thực nghiệm, lớp 4C có số học sinh giỏi thấp hơn so với lớp 4D là 2 em, nhưng sau quá trình thực nghiệm đã tăng lên 19 học sinh, nhiều hơn lớp 4D là 4 học sinh. Số lượng học sinh khá của lớp 4C và 4D tương đương nhau, tuy nhiên số lượng học sinh trung bình của hai lớp có độ chênh lệch lớn, lớp 4C không có học sinh trung bình, trong khi lớp 4D lại tăng 1 học sinh trung bình so với ban đầu.

* * *
*

Qua quá trình thực nghiệm, sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan vào dạy học ở trường tiểu học Ngô Quyền, kết quả tực nghiệm đã cho chúng tôi thấy việc sử dụng bài tập trắc nghiệm trong dạy học là phù hợp với học sinh, góp phần nâng cao chất lượng dạy – học trong nhà trường. Vì sau quá trình thực nghiệm, kết quả học tập của học sinh lớp thực nghiệm đã được nâng lên, học sinh cũng tỏ ra thích thú với giờ học hơn trước.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Dạy học Tiếng Việt đóng vai trò quan trọng trong suốt quá trình cung cấp kiến thức cho học sinh. Qua những hiểu biết về tiếng Việt, học sinh biết cách dùng từ, biết cách đặt câu và sử dụng câu một cách hợp lí trong từng hoàn cảnh khác nhau. Từ đó, các em có thể tiếp cận với các môn học khác, các kiến thức mới được dễ dàng và nhanh chóng hơn. Hiểu tiếng Việt và biết sử dụng câu một cách khoa học, phù hợp còn giúp học sinh tự tin trong giao tiếp, củng cố khả năng học tập tốt môn tiếng Việt cùng với các môn học còn lại trong chương trình giáo dục. Việc dạy học Tiếng Việt luôn được chú trọng, nhất là đối với bậc tiểu học, bậc học nền tảng. Ngay lớp 4, các kiến thức về câu đã được cung cấp cho học sinh, đây tuy là những kiến thức ban đầu nhưng rất đầy đủ với những loại câu phân chia theo các mục đích nói khác nhau.

1.2. Qua nội dung bài học về câu trong phân môn Luyện từ và câu lớp 4, các em được tìm hiểu nhiều kiến thức mới về câu, sau mỗi bài học sinh lại được thực hành với những bài tập cụ thể. Nhưng trong thực tế, phần lớn giáo viên đều sử dụng các bài tập tự luận, những bài tập dạng này lặp đi lặp lại nhiều lần làm cho học sinh cảm thấy nhàm chán và gây tâm lí nặng nề khi làm bài. Bài tập để học sinh thực hành kiến thức đã học hay kiểm tra hiểu biết của học sinh về vấn đề là rất cần thiết. Những bài tập tạo được hứng thú, đem lại tâm lí thoải mái và sẽ thúc đẩy học sinh phát huy năng lực của các em. Và bài tập được xây dựng theo hình thức trắc nghiệm khách quan chính là biện pháp hữu hiệu giúp đem lại cảm giác thoải mái và tạo hứng thú cho người học. Sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan một cách hợp lí, giáo viên có thể giúp học sinh củng cố tri thức tốt hơn thông qua việc thực hành và kiểm tra.

1.3. Nhưng thực tế cho thấy, nhiều giáo viên vẫn còn ngại sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan để phục vụ cho việc dạy – học câu. Vì dạng bài tập này cần phải có thời gian đầu tư, chuẩn bị và đa số thầy cô hiện nay vẫn thích dùng các bài tập tự luận vốn đã quen thuộc, không cần phải chuẩn bị nhiều. Bên cạnh đó thì những khó khăn về cơ sở vật chất của trường cũng như điều kiện sống còn nhiều hạn hẹp cùng với sự không đồng đều về trình độ chuyên môn cũng làm cho nhiều giáo viên trung thành với những bài tập tự luận khô khan thường dùng.

1.4. Sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan để dạy học câu trong phân môn Luyện từ và câu lớp 4 đã góp phần làm phong phú nguồn bài tập và tăng hiệu quả học tập của học sinh. Nó cho thấy việc sử dụng trắc nghiệm khách quan trong dạy – học là nên làm và thật sự nó đã phát huy hiệu quả ở nhiều môn học khác nhau. Do đó, nên tăng cường sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy học để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với ngành giáo dục

Ngành giáo dục nên tiếp tục nghiên cứu và có những bổ sung kịp thời những bài tập trắc nghiệm khách quan trong phân môn Luyện từ và câu để góp phần nâng cao hiệu quả dạy – học ở trường tiểu học.

2.2. Đối với trường tiểu học

Nhà trường cần tổ chức những buổi học chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề để hướng dẫn và nâng cao kiến thức của giáo viên trong việc sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học Tiếng Việt nói chung và dạy học Luyện từ và câu nói riêng.

2.3. Đối với giáo viên

Giáo viên cần thường xuyên trau dồi, nâng cao kiến thức của bản thân, bên cạnh đó cần trao đổi, tham khảo ý kiến và tiếp thu kinh nghiệm của đồng nghiệp để có thể phát huy tốt vai trò tổ chức hoạt động học cho học sinh của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A (chủ biên), Phan Phương Dung, Vũ Thị Kim Hoa, Đặng Thị Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo – 2006 – *Tiếng Việt* – NXB Giáo dục, NXB Đại học Sư phạm.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo – 2006 – *Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học* – NXB Giáo dục.

3. Bộ Giáo dục và đào tạo – 2006 – *Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học* – NXB Giáo dục.

4. Bộ Giáo dục và đào tạo – 2006 – *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục* – NXB Giáo dục.

5. Bộ Giáo dục và đào tạo – 2004 – *Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5 (tập 1, 2)* – NXB Giáo dục.

6. Nguyễn Thị Hạnh – 2003 – *Một số vấn đề đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học* – NXB Giáo dục.

7. Nguyễn Thị Hạnh – 2008 – *Trắc nghiệm Tiếng Việt 4* – NXB Giáo dục.

8. Phạm Văn Hiền – 2004 – *Nghiên cứu vấn đề đánh giá tri thức học sinh bằng trắc nghiệm khách quan thông qua môn tiếng Việt ở tiểu học* – Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục.

9. Th.s Võ Thị Hoa – 2008 – *Bài giảng Phương pháp dạy học Tiếng Việt.*

10. PGS. PTS Phó Đức Hòa – 2008 – *Lí thuyết trắc nghiệm khách quan và thiết kế bài tập trắc nghiệm ở tiểu học* – NXB Giáo dục.

11. Phó Đức Hòa – 1996 – *Xây dựng quy trình đánh giá tri thức của học sinh tiểu học* – Luận án phó tiến sĩ khoa học sư phạm – tâm lí.

12. Nguyễn Phụng Hoàng, Võ Ngọc Lan – 1996 – *Phương pháp trắc nghiệm trong kiểm tra và đánh giá thành quả học tập* – NXB Giáo dục.

13. Khoa học – Xã hội – Nhân văn – Viện ngôn ngữ, 2008, *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức.

14. Nguyễn Kỳ – 1994 – *Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm* – NXB Giáo dục.

15. GS. TS. Lê Phương Nga – 2009 – *Bài tập trắc nghiệm Tiếng Việt lớp 4* – NXB Đại học Sư phạm.

16. GS. TS. Lê Phương Nga, TS. Lê Hữu Tỉnh – 2009 – *Vở bài tập nâng cao từ và câu tiếng Việt 4* – NXB Đại học Sư phạm.

17. Nguyễn Quang Ninh (chủ biên), Đào Ngọc – 2007 – *Tiếng Việt thực hành* – NXB Giáo dục, NXB Đại học Sư phạm.

18. Bùi Minh Toán (chủ biên), Nguyễn Thị Lương – 2007 – *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt* – NXB Đại học Sư phạm.

19. GS. TSKH. Lâm Quang Thiệp – 2008 – *Trắc nghiệm và ứng dụng* – NXB Khoa học kĩ thuật .

20. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Kế Hào, Phan Thị Hạnh Mai – 2007 – *Tâm lí học* – NXB Giáo dục và NXB Đại học Sư Phạm.

21. PGS. PTS. Phạm Viết Vượng – 2000 – *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục* – NXB Giáo dục.

22. Trang web: *http://vi.wikipedia.org*

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Đáp án

Câu 1: a – Đ, b – S.

Câu 2: 1 – Đ, 2 – S.

Câu 3: a – Đ, b – S.

Câu 4: a – Đ, b – Đ.

Câu 5: a – S, b – Đ.

Câu 6: a – S, b – Đ, c – S, d – Đ.

Câu 7: S, Đ, Đ.

Câu 8: a – S, b – S, c – S, d – Đ.

Câu 9:

a) *Thoắt cái*, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.

b) *Mặt trời lặn*, ánh sáng chiếu soi vào bóng tối cửa đền.

c) *Mải vui*, em quên làm bài cô giáo giao.

d) *Để xây dựng nhà văn hóa*, mọi người quyết định lập quỹ tiết kiệm trong thôn.

e) *Với đôi chân nhanh nhẹn*, Nam vượt qua các đối thủ khác để về đích trước.

1 – S, 2 – Đ, 3 – S.

Câu 10:

Tính tôi hay nghịch ranh. Chẳng bận đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trêu chọc chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi:

- Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không?

Câu 11:

Thứ tự	Câu hỏi	Câu hỏi của ai?	Để hỏi ai?	Từ nghi vấn?
1	Cậu bé thế, có sợ tôi không?	Mèo con	Cóc Tía	không
2	Việc gì mà sợ?	Cóc Tía	Mèo con	gì
3	Gan ta có gì mà to?	Cóc Tía	Mèo con	gì
4	Thế sao cậu không sợ?	Mèo con	Cóc Tía	sao

Bài 12:

a) Vì sao (sao) hôm nay Lan không đi học?

b) Có bao nhiêu (mấy) dân tộc trên đất nước Việt Nam?

c) Ai là người phát minh ra bóng đèn?

d) Có phải em đã làm vỡ lọ hoa này không?

Câu 13:

a) Máy bay đó chở được bao nhiêu người?

b) Một chiếc máy bay bình thường có trọng lượng là bao nhiêu?

c) Ai là người lái máy bay?

d) Khi nào (làm thế nào, bằng cách nào)thì máy bay có thể đạt được tốc độ nhanh nhất?

Câu 14:

a) Nam ơi, cho mình mượn bút của cậu có có được không?

b) Bác đi ra đồng đấy ạ?

c) Thưa bác, đây có phải là nhà của bạn Bình?

Câu 15:

- Các loài hoa trong vườn tỏa hương thơm ngát.
- Những chiếc lá non thì có màu xanh mơn mởn.

Câu 16:

a) Bà lão ấy có khuôn mặt hiền từ, phúc hậu.

b) Những chú ong thợ thì cần mẫn kiếm mật hoa về tổ.

c) Vườn hoa ngày tết rôn ràng bao sắc màu tươi tắn.

Câu 17:

a) dấu phẩy

b) - một người nổi tiếng nhân từ -

c) dấu phẩy

d) dấu chấm.

Câu 18:

Khi viết, cuối câu khiến có *dấu chấm than* hoặc dấu chấm.

Câu 19:

a) Mọi người tiếp tục làm việc *đi.*

b) Khi làm lễ chào cờ mọi người đều *phải* đứng nghiêm trang.

c) *Đề nghị* các bạn yên lặng.

d) Đã có hiệu lệnh, các em ra sân tập thể dục *nào*!

e) *Đừng* quên tắt điện khi ra khỏi phòng.

f) *Đừng* thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

Câu 20:

a) Mỗi khi mùa xuân về

b) Chỉ qua một đêm thôi

c) Và rồi từng ngày

d) từng ngày

Câu 21:

a) Nhờ cu Tí, sáng nay, tôi không bỏ quên sách bài tập ở nhà.

b) Vì nắng nên cây cối trong vườn đều trở nên héo úa.

c) Cũng nhờ siêng năng mà cái Hoa đã đạt thành tích tốt trong kì thi vừa rồi.

d) Với tính chăm chỉ, chú mèo mướp bắt được rất nhiều chuột.

Câu 22:

a) *Để giúp bé ngon miệng*, mẹ thường xuyên thay đổi món ăn hằng ngày.

b) *Vì mùi thơm quyến rũ ấy*, tôi đã giấu mẹ ăn vụng mấy chiếc bánh rán.

c) *Để làm nên những chiến công hiển hách*, các chiến sĩ luôn đặt tình yêu quê hương đất nước lên trên hết.

Câu 23:

a) *Cứ mỗi độ thu về*, hoa cúc lại nở rộ.

b) *Trên cành cây*, những chú chim họa mi đang say sưa hót.

c) *Để đạt danh hiệu học sinh giỏi*, Bình luôn cố gắng học tập thật tốt.

d) *Nhờ trí thông minh*, Nam đã tìm ra câu trả lời trước mọi người.

Câu 24:

Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng các từ ***bằng, với*** và trả lời cho các câu hỏi ***Bằng cái gì?, Với cái gì?***

Câu 25:

a) ***Vì*** nắng, cây cỏ trong vườn đều héo úa.

b) ***Nhờ*** chăm chỉ, Minh được cô giáo khen ngợi.

c) ***Bởi tại*** ham chơi, Quân không hoàn thành bài tập cô giao.

Câu 26:

Từ "lầu" trong câu trên được dùng với ý nghĩa là tổ (nơi ở, chỗ ở) của tắc kè hoa.

Dấu ngoặc kép trong trường hợp này được dùng để đánh dấu từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.

Câu 27:

a) Dấu gạch ngang được dùng để đánh dấu phần chú thích trong câu.

b) Dấu gạch ngang được dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.

Câu 28:

Dấu hai chấm.

Câu 29:

Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) dùng để hỏi về những điều chưa biết.

Câu 30:

a) Ai là bạn tốt nhất của cậu?

- Ai đã làm đổ cốc nước trên bàn thế?

b) Ngoài trời mưa đã tạnh chưa?

- Chưa có bạn nào đến cả à?

Câu 31:

a) Con xuyên sơn còn có tên gọi là gì?

b) Cây gì nở hoa tưng bừng ở trước nhà?

Câu 32:

Mẹ ơi, mẹ cho con đi chơi với bạn có được không?

Bây giờ, con có thể đi chơi với bạn không mẹ?

Câu 33:

a) Dùng để khiển trách.

b) Dùng để nhắc nhở.

Câu 34:

a) Nam ngủ gật trên bàn học, mẹ đi vào thấy vậy khẽ gọi Nam dậy bảo: "Con buồn ngủ rồi à?"

b) Bà đang ngồi trong nhà thì thấy Nam chạy vào nhà, người ướt sũng. Bà vội lấy khăn cho Nam lau và nói: "Cháu lại để quên ô rồi sao?"

c) Nam đang học bài thì Minh qua rủ Nam đi chơi. Nam đã từ chối nhưng Minh vẫn nài nỉ. Nam bèn nói: "Cậu cứ ồn như thế này làm sao mà tớ làm bài được đây?"

Câu 35:

a) Câu kể Ai thế nào?

b) Chủ ngữ: Hà Nội

c) Vị ngữ: tưng bừng màu đỏ

Bài 36:

a) Ba ơi, ba có thể cho con đi đá bóng với các bạn được không?

b) Nam này, chiều nay mình cùng đi thả diều có được không?

Câu 37:

a) Ba cháu đã tặng cho cháu một con gấu bông màu hồng trong ngày sinh nhật. Nó có một chiếc nơ màu xanh trước ngực rất xinh xắn. Cháu đã để nó trong tủ gương để mọi người đều có thể nhìn thấy.

b) Chủ nhật tuần trước, mình đã được về quê ngoại với bố mẹ. Ở đó có những rặng dừa xanh thẳm chạy dài theo con kênh phía trước ngõ. Không khí ở đây rất trong lành, mang tới cho mọi người cảm giác thư thái, dễ chịu.

Câu 38:

- Mọi người tham gia chơi hội xuân.
- Mọi người đang chơi các trò chơi trong lễ hội.

Bài 39:

a) Mọi người trong thôn hối hả gánh lúa về sân phơi hợp tác.

b) Tất cả học sinh của trường đang tích cực tham gia dọn vệ sinh.

Bài 40:

- Các cô bán hàng đang sắp xếp lại trái cây trong sọt cho gọn gàng.
- Hai chị em đang chọn mua cho mình những loại trái cây ngon nhất.

Câu 41:

a) trơn như đồ mỡ.

b) đen và dày kì lạ, phủ kín cả hai vai, xõa xuống ngực, xuống đầu gối.

Câu 42:

Cuộc sống quanh ta // thật đẹp.

CN VN

Câu 43:

a) Câu kể Ai là gì? được dùng để ***giới thiệu hoặc nêu nhận định về một người, một vật nào đó.***

b) Trong câu kể Ai là gì? vị ngữ được nối với chủ ngữ bằng từ ***là***.

Câu 44:

a) Những bông hoa trong vườn có ***màu sắc rực rỡ***.

b) Bé Bi rất thông minh và hoạt bát.

Câu 45:

a) Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới.

b) Bác Hồ là người đã dẫn dắt dân tộc Việt Nam trên con đường đấu tranh bảo vệ tổ quốc.

c) Mẹ của em là một công nhân của nhà máy may.

Câu 46:

Dòng sông vẫn thầm lặng chảy qua nơi đây. *Sông là nơi đem đến nguồn sống cho muôn loài.* Nó cung cấp nước tưới cho những cánh đồng lúa xanh mơn mởn. Nó tặng cho lũ trâu những dòng nước tắm mát cho sau một ngày dài vất vả kéo cày. Con sông sẽ mãi là người mẹ dịu hiền của quê tôi.

Trong đoạn văn trên:

- Chủ ngữ của câu kể Ai là gì? là: *Sông*
- Vị ngữ của câu kể Ai là gì? là: *là nơi đem đến nguồn sống cho muôn loài.*

Câu 47:

a) Mẹ đang nấu cơm đấy ạ?

b) Mẹ nấu cơm ngon quá!

Câu 48:

Dấu chấm than

Câu 49:

a) Ôi, chim họa mi hót hay quá!

b) Minh thật là chăm chỉ!

c) Tiếc quá, trời lại mưa nữa rồi!

Câu 50:

Trạng ngữ là thành phần phụ của câu xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích... của sự việc trong câu.

Câu 51:

a) Dưới nắng hè, chú bướm vàng tung tăng bay lượn trên đóa hồng đỏ thắm.

Trong vườn xuân, chú bướm vàng tung tăng bay lượn trên đóa hồng đỏ thắm.

b) Sau giờ học, Minh và các bạn cùng tới thăm cô giáo.

Ngày hôm qua, Minh và các bạn cùng tới thăm cô giáo.

Câu 52:

a) Trong sân trường, mọi người đứng nghiêm trang hướng về phía cột cờ với lòng thành kính.

b) Ở quê tôi, nhà nào cũng có hàng cau mọc san sát nhau chạy dài trước ngõ.

Câu 53:

Bằng món mầm đá "độc đáo"

Câu 54:

Trạng ngữ chỉ mục đích

Câu 55:

- Đến ngày đến tháng, cây lại nhờ gió phân phát đi khắp chốn những múi bông trắng nuột nà.

- Trạng ngữ chỉ thời gian

Câu 56: 1 – b, 2 – c, 3 – a.

Câu 57: 1 – b, 2 – c, 3 – d, 4 – a.

Câu 58: 1 – d, 2 – c, 3 – b, 4 – a.

Câu 59:

Câu hỏi	Mục đích hỏi
1. Sao em lại làm được bài văn hay đến thế này chứ?	**c.** Để khen ngợi
2. Chú làm ơn chỉ giúp tôi đường đến bến xe có được không?	**a.** Để nhờ cậy
3. Các bạn có thể trật tự nghe cô giáo giảng bài không?	**d.** Để yêu cầu
4. Không chú ý nghe giảng thì có mang lại lợi ích gì cho em không?	**b.** Để khẳng định

Câu 60: 1 – c, 2 – d, 3 – b.

Câu 61:

Cột A	Cột B
1. Mùa xuân, mọi người	đang bắt chuột ở xó bếp.
2. Những chú mèo nhà bà	rủ nhau chơi trốn tìm ở đầu ngõ.
3. Hè về, lũ trẻ xóm tôi	cũng đọc truyện cổ tích cho bé nghe.
4. Tối nào, mẹ bé Hà	nô nức đi trẩy hội.

Cột A	Cột B
a. CN trong câu 1 là phần	trả lời cho câu hỏi: Lũ trẻ xóm tôi làm gì khi hè về?
b. VN trong câu 2 là phần	trả lời cho câu hỏi: Ai nô nức đi trẩy hội?
c. VN trong câu 3 là phần	trả lời cho câu hỏi: Ai đọc truyện cho bé Hà nghe mỗi đêm?
d. CN trong câu 4 là phần	trả lời cho câu hỏi: Những chú mèo nhà bà đang làm gì?

Câu 62:

Cột A	Cột B
1. Câu kể Ai làm gì?	là câu **a**
2. Câu kể Ai thế nào?	là câu **b**
3. Câu kể Ai là gì?	Là câu **c**

Câu 63:

*** Cột A và B:** 1 – c, 2 – a, 3 – d, 4 – b.

*** Cột C và D:** 1 – b, 2 – a.

Câu 64:

Cột A	Cột B
1. Hoa phượng thì nở đỏ rực trong sân trường.	**a.** câu kể Ai là gì?
2. Cậu bé tôi gặp lúc sáng là học sinh lớp bên cạnh.	**b.** câu kể Ai thế nào?
3. Cả lớp đang tham gia tưới cây trong sân trường.	**c.** câu kể Ai làm gì?

Câu 65:

Cột A	Cột B
1. ***Đường quê đỏ rực cờ hồng*** Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời	**a.** Câu kể *Ai làm gì?*
2. Gần xa nô nức yến anh ***Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân***	**b.** Câu kể *Ai là gì?*
3. Đầu lòng hai ả tố nga ***Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân***	**c.** Câu kể *Ai thế nào?*

Câu 66:

A	B
Câu kể Ai là gì?	Minh đang giúp mẹ thái rau cho lợn.
Câu hỏi	Hoa phượng nở đỏ rực trên sân trường.
Câu kể Ai thế nào?	Vì sao hôm nay em đi học trễ?
Câu kể Ai làm gì?	Áo dài là trang phục truyền thống của người Việt Nam

Câu 67: 1 – c, 2 – d, 3 – a, 4 – b.

Câu 68: 1 – b, 2 – a.

Câu 69:

a) Chao ôi, chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao!

b) Trời, chuyện này thật là kinh khủng!

c) A, mẹ đã về rồi!

1 – a, 2 – c, 3 – b.

Câu 70: 1 – c, 2 – d, 3 – a, 4 – b.

- Câu cảm: Ồ, hôm nay Nam học bài chăm chỉ quá!

- Câu khiến: Nam hãy vào nhà học bài đi!

Câu 71: 1 – d, 2 – a, 3 – b, 4 – c.

Câu 72:

a) Trước rạp, người ta dọn dẹp sạch sẽ, xếp một hàng ghế dài.

b) Giữa lúc gió đang gào thét ấy, cánh chim đại bàng vẫn bay lượn trên nền trời.

c) Vì rét,những cây lan trong chậu sắt lại.

d) Để tìm phòng dịch cho trẻ em, tỉnh đã cử nhiều đội y tế về các bản.

e) Bằng một giọng thân tình, thầy khyên răn chúng em gắng học bài, làm bài đầy đủ.

1 – a, 2 – d, 3 – b, 4 – c, 5 – e.

Câu 73:

Cột A	Cột B
1. Lúc hoàng hôn, Ăng-co Vát thật huy hoàng.	**a.** TN chỉ mục đích
2. Trước nhà, cây bông giấy nở hoa tưng bừng.	**c.** TN chỉ thời gian
3. Nhờ học hành chăm chỉ, Lan đã đạt danh hiệu học sinh giỏi.	**d.** TN chỉ nguyên nhân
4. Vì Tổ quốc, thiếu niên sẵn sàng.	**e.** TN chỉ nơi chốn

Câu 74: C

Câu 75: B

Câu 76: C

Câu 77: A

Câu 78: D

"Sao chú mày sống cẩu thả quá như vậy? Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng..."

Câu 79: C

Câu 80: A

Câu 81: B

Câu 82: D

Câu 83: A

Câu 84: C

Câu 85: D

Câu 86: C

Câu 87: C

Câu 88: C

Câu 89: A

Câu 90: C

PHỤ LỤC 2: Hướng dẫn sử dụng

Để sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan này, người giáo viên cần thực hiện theo các bước sau:

- Chú ý xác định chính xác nội dung bài học.

- Lựa chọn nội dung kiến thức cần kiểm tra hoặc cần khắc sâu cho học sinh.

- Dựa trên nội dung bài học để xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan.

+ Hệ thống bài tập có thể gồm có tất cả các dạng hoặc gồm một số dạng hay chỉ có 1 dạng trắc nghiệm khách quan.

+ Nội dung bài tập gần gũi với học sinh, mang tính vừa sức và đáp ứng yêu cầu đã đề ban đầu.

- Tiến hành thiết kế bài giảng, lồng ghép việc sử dụng bài tập trắc nghiệm vào tiết học sao cho hợp lí.

- Sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong tiết học.

- Thu bài làm của học sinh.

- Chấm bài, thống kê kết quả, đánh giá mức độ hiểu bài, khả năng tiếp thu của học sinh.

- Rút ra những điểm cần nhắc lại, cần bổ sung, chi dẫn kĩ hơn cho học sinh.

- Phát bài, sửa bài.

- Củng cố kiến thức.

* Có nhiều hình thức để giáo viên lựa chọn khi sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm về câu trong dạy học. Để giúp các thầy cô có thể dễ dàng nghiên cứu chúng tôi đưa ra những cách sau:

Cách 1: Sử dụng phiếu bài tập để kiểm tra bài cũ của học sinh hoặc tổ chức trò chơi cho học sinh giải bài nhanh trong phần củng cố.

Cách 2: Tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn? dưới dạng trả lời câu hỏi trắc nghiệm. Lần lượt từng câu hỏi được nêu ra, học sinh tham gia trả lời cá nhân hoặc theo tổ tùy vào quy định của giáo viên.

Nhưng cơ bản trong mỗi cách người giáo viên đều phải lựa chọn bài tập phù hợp và sau đó hướng dẫn cách làm cụ thể để học sinh dễ dàng nắm bắt và làm bài đạt kết quả tốt.

Bên cạnh đó giáo viên có thể tự tìm tòi, sáng tạo cho mình những cách làm hiệu quả hơn để sử dụng hệ thống bài tập trắc nghiệm trong dạy học LT&C.

PHỤ LỤC 3: Các phiếu điều tra và phiếu thực nghiệm

UBND TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM **PHIẾU ĐIỀU TRA**
KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON **(Dùng cho giáo viên tiểu học)**

---***---

Thông tin người thực hiện:

1. Trường tiểu học Ngô Quyền – Tam Kỳ – Quảng Nam

2. Họ và tên:.....

3. Lớp chủ nhiệm:.....

Xin quý thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề sau:

1. Thầy (cô) đánh giá như thế nào về việc sử dụng bài tập tự luận và bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học hiện nay? (đánh dấu x)

Mức độ / Dạng bài tập	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Bài tập tự luận				
2. Bài tập trắc nghiệm khách quan				

2. Theo thầy (cô) có nên sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan để dạy – học trong phân môn Luyện từ và câu ở lớp hay không? (đánh dấu x)

a) Không cần thiết. ☐
b) Bình thường. ☐
c) Cần thiết. ☐
d) Rất cần thiết. ☐

3. Thầy (cô) có thường sử dụng bài tập trắc nghiệm khách quan trong dạy – học Luyện từ và câu? (đánh dấu x)

a) Rất hạn chế. ☐

b) Bình thường. ☐

c) Thường xuyên. ☐

4. Thầy (cô) đã sử dụng dạng bài tập trắc nghiệm nào trong dạy – học Luyện từ và câu và mức độ sử dụng dạng bài tập đó như thế nào? (đánh dấu x)

Các dạng bài tập Trắc nghiệm khách quan	**Mức độ sử dụng**		
	Thường xuyên	***Bình thường***	***Rất hạn chế***
1. Trắc nghiệm trả lời ngắn			
2. Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi			
3. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn			
4. Trắc nghiệm đúng – sai			

5. Theo thầy (cô) việc sử dụng trắc nghiệm khách quan trong dạy – học Luyện từ và câu có những ưu điểm nào? (đánh dấu x)

a) ☐ Ít tốn công ra đề

b) ☐ Học sinh hiểu bài nhanh và nhớ bài lâu.

c) ☐ Ít tốn thời gian chấm bài.

d) ☐ Đánh giá được khả năng diễn đạt, đặc biệt là diễn đạt tư duy hình tượng.

e) ☐ Khách quan trong chấm bài.

f) ☐ Kiểm tra được khối lượng rộng về nội dung kiến thức của bài học.

g) ☐ Gây được hứng thú học tập cho học sinh.

h) ☐ Thu được mối liên hệ ngược từ học sinh một cách nhanh nhất.

Xin chân thành cảm ơn!

PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ

Phân môn: Luyện từ và câu (Lớp 4)

Sử dụng trước khi học bài: ***Câu khiến***

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu kể *Ai là gì?*

A. Nam là bạn tốt nhất của tôi.

B. Mùa xuân đến cây trong vườn đều đâm chồi, nảy lộc.

C. Ông làm cho bé Mi một chiếc diều thật đẹp.

D. Đêm qua, mưa to làm đường trở nên lầy lội.

Bài 2: Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống: (, . ? : ! -)

Bà đi chợ về, vào đến sân nhà, bà gọi to ☐

☐Bống ơ... ơi! Cái Bống đâu rồi!

Bống đang chơi với các bạn bên hàng xóm, nghe tiếng bà gọi, nó ù té chạy về nhà:

- Bà ơi, bà mua quà gì cho cháu đấy ☐

- Mày hư lắm ☐chẳng trông nhà cho bà để gà nó vào bới tung cả bếp. Bà giận bà chẳng cho quà đâu.

Bống nhìn cái thúng đậy vỉ buồm. Chắc là trong ấy có cái bánh đa đường... Bỗng cái vỉ buồm động đậy ☐ Ngheo... Bống mở tròn mắt... Ngheo...

- A☐ Con mèo, con mèo! Bà ơi, bà cho cháu nhá!

Cái tết của mèo con – Nguyễn Đình Thi

Bài 3: Nối kiểu câu ở cột A với câu thích hợp ở cột B:

A	B
Câu kể Ai là gì?	Minh đang giúp mẹ thái rau cho lợn.
Câu hỏi	Hoa phượng nở đỏ rực trên sân trường.
Câu kể Ai thế nào?	Vì sao hôm nay em đi học trễ?
Câu kể Ai làm gì?	Áo dài là trang phục truyền thống của người Việt Nam

Bài 4: Ghi Đ (Đúng) hoặc S (Sai) vào ô trống để xác định chủ ngữ (C)và vị ngữ (V) trong các câu sau:

a) Bạn ấy // là học sinh giỏi của lớp tớ. ☐

C V

b) Những ngọn núi // đang ẩn mình trong mây trắng ☐

V C

Bài 5: Đọc đoạn văn sau:

Cô Mùa Xuân xinh tươi đang lướt nhẹ trên cánh đồng. Đó là một cô gái dịu dàng, tươi tắn, ăn mặc giống y cô Tấm trong đêm hội thử tài thuở nào. Cô mặc yếm thắm, một bộ áo mớ ba màu hoàng yến, chiếc quần nhiễu điều, thắt lưng màu hoa hiên. Tay cô ngoắc một chiếc lẵng đầy màu sắc rực rỡ. Cô lướt đi trên cánh đồng, người nhẹ bổng nghiêng nghiêng về phía trước.

Đoạn văn trên có bao nhiêu câu kể?

.....

PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐÁNH GIÁ ĐỊNH HƯỚNG 1

Phân môn: Luyện từ và câu (Lớp 4)

Sử dụng trong khi học bài: ***Câu khiến***

Bài 1: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

Khi viết, cuối câu khiến có ..... hoặc dấu chấm.

Bài 2: Khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu em cho là câu khiến:

A. Nam đi học.

B. Nam hãy đi học đi.

C. Mình cùng đi học nhé Nam!

D. Nam đã đi học chưa?

E. Nam đừng đi học trễ nữa.

Bài 3: Em hãy nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp để tạo thành câu khiến:

A	B
Học sinh phải	khi tham gia giao thông!
Em đang bị đau	phải giữ trật tự.
Không được vượt đèn đỏ	làm bài và chép bài đầy đủ.
Trong thư viện, mọi người	Cần phải đến gặp bác sĩ ngay.

Bài 4: Đọc câu sau:

Hãy nói cho ta biết vì sao cháu cười được!

Hãy điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào các ô trống câu trả lời dưới đây:

☐ Câu trên là câu khiến.

☐ Câu trên không phải là câu khiến.

Bài 5: Câu khiến (câu cầu khiến) được dùng để làm gì?

.....

PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐÁNH GIÁ ĐỊNH HƯỚNG 2

Phân môn: Luyện từ và câu (Lớp 4)

Sử dụng trong khi học bài: ***Cách đặt câu khiến***

Bài 1: Trong giờ học, bút của Nam hết mực. Em hãy giúp bạn ấy lựa chọn 1 câu khiến phù hợp để mượn bút của bạn trong tình huống này bằng cách khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng.

A. Cho tớ mượn một cây bút của cậu nhé!

B. Bút của mình hết mực rồi.

C. Câu cho tớ mượn cây một bút có được không?

Bài 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu khiến dưới đây:

đừng, phải, nào, đề nghị, chớ, đi.

a) Mọi người tiếp tục làm việc .....

b) Khi làm lễ chào cờ mọi người đều ..... đứng nghiêm trang.

c) ..... các bạn yên lặng.

d) Đã có hiệu lệnh, các em ra sân tập thể dục ..... !

e) ..... quên tắt điện khi ra khỏi phòng.

f) ..... thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống đặt trước mỗi câu:

Muốn đặt câu cầu khiến ta có thể:

a) ☐ Thêm từ **lên** hoặc **đi, thôi, nào**,... vào cuối câu.

b) ☐ Thêm từ **đề nghị** hoặc **xin, mong**,... vào cuối câu.

Bài 4: Em hãy cho biết muốn đặt câu khiến ta có thể thêm những từ gì vào trước động từ?

.....

.....

Bài 5: Nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho tạo thành câu khiến:

A	B
Học sinh đi học	Vào đây khi chưa được phép.
Không ai được	phải mặc đúng đồng phục
	phải nói chuyện trong giờ học.

PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Phân môn: Luyện từ và câu (Lớp 4)

Sử dụng sau khi học bài: ***Cách đặt câu khiến***

Bài 1: Đọc kĩ đoạn văn dưới đây:

Cô giáo bước vào lớp, mỉm cười:

- Lớp ta hôm nay sạch sẽ quá! Thật đáng khen! Nhưng các em có nhìn thấy mẩu giấy đang nằm ngay giữa cửa kia không?

- Có ạ! - Cả lớp đồng thanh đáp.

- Nào! Các em hãy lắng nghe và cho cô biết mẩu giấy đang nói gì nhé! – Cô giáo nói tiếp.

Cả lớp im lặng lắng nghe.

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng:

A. Đoạn văn trên có 5 câu khiến.

B. Đoạn văn trên có 3 câu khiến.

C. Đoạn văn trên có 1 câu khiến.

Bài 2: Nối các vế ở cột A với các vế ở cột B để được câu khiến:

A	B
Trẻ em cần phải có	vứt rác bừa bãi.
Mọi thành viên trong lớp	trước khi ăn nhé em!
Em tìm giúp chị	người lớn đi kèm khi qua đường.
Chúng ta không nên	đều phải tham gia cuộc thi này.
Hãy rửa sạch tay	chiếc bút màu xanh với.

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống trước mỗi câu sau:

a) ☐ Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn... của người nói, người viết với người khác.

b) ☐ Muốn đặt câu khiến có thể thêm từ ***hãy, đừng, chớ, nên, phải***... vào trước động từ.